

Theo
chương trình
tiếng Anh mới
của Bộ GD & ĐT



TheWindy

TỦ SÁCH GIÚP HỌC TỐT TIẾNG ANH

Chủ Biên: Đại Lợi - Hương Giang

Tuyển Tập Đề Thi **VIOLYMPIC** Tiếng Anh LỚP 5 Tập 1



CD-Audio
LUYỆN NGHE



**NHÀ XUẤT BẢN
ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI**

LỜI NÓI ĐẦU

ViOlympic tiếng Anh (IOE) là một kỳ thi giải tiếng Anh trên mạng Internet, do Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức dành riêng cho các em học sinh từ lớp 3 đến lớp 12. Kỳ thi đang được rất nhiều các thầy cô, các bậc phụ huynh và các em sử dụng như một công cụ để đánh giá, nâng cao và rèn luyện vốn tiếng Anh của mình. Hiểu được tầm quan trọng và sự hữu ích của kỳ thi, chúng tôi đã dành nhiều thời gian và tâm sức biên soạn bộ sách này với hy vọng mang lại cho các em những kiến thức quan trọng và bổ ích nhất.

Kỳ thi có 35 vòng thi được chia làm 2 tập (tập 1 và tập 2), tập 1 gồm 17 vòng thi, tập 2 gồm 18 vòng thi. Mỗi vòng thi có 2 bài test (A và B) để các em có thể luyện tập một cách thành thạo. Các bài test được biên soạn với các bài tập đa dạng, hình ảnh minh họa sinh động và giúp học sinh tự đánh giá được năng lực thực sự của mình.

Thêm vào đó, cuốn sách còn được biên soạn kèm CD với giọng phát âm chuẩn tiếng Anh của người bản ngữ. Chúng tôi tin rằng đây sẽ là một tài liệu vô cùng hữu ích cho các em trong việc học tập, rèn luyện và nâng cao vốn tiếng Anh của mình.

Lời cuối cùng, chúng tôi mong muốn được gửi lời cảm ơn chân thành nhất tới độc giả, tới các em học sinh, các bậc phụ huynh và các quý thầy cô. Chúng tôi cũng mong muốn được lắng nghe những ý kiến góp ý chân thành nhất của các bạn để lần xuất bản sau cuốn sách sẽ đầy đủ hơn, ý nghĩa hơn.

Trân trọng!

Nhóm biên soạn

ROUND 1

TEST

A

Exercise 1: Choose the correct answer. (Chọn đáp án đúng).

1. Choose the word that has the underlined part pronounced differently.
a. child b. live c. ill d. practise
2. Choose the word that has the underlined part pronounced differently.
a. bread b. clean c. meal d. tea
3. Are these your pens? -
a. Yes, these are b. Yes, they c. Yes, those are d. Yes, they are
4. Choose the word that has the underlined part pronounced differently.
a. fifty b. city c. study d. my
5. Choose the word that has the underlined part pronounced differently.
a. twenty b. happy c. by d. early
6. Trang and Chau two bikes.
a. has b. have c. is d. don't

7. What is favourite colour? – I like red.

- a. his b. her c. your d. you

8. What is favourite drink? – He likes soda.

- a. your b. his c. her d. you

9. My mother tall and beautiful.

- a. is b. am c. are d. aren't

10. I have a motorbike.

- a. don't b. am not c. doesn't d. isn't

Exercise 2: Put a missing letter to complete these words.
(Điền chữ cái còn thiếu để hoàn thành các từ sau).

1. CI_CUS
2. ELEV_N
3. CHE_SE
4. SUBJE_T
5. PA_NT
6. HA_F
7. SUMM_RY
8. TOD_Y
9. PE_CH
10. TW_LVE

Exercise 3: Match each picture with a suitable word/phrase.
(Nối tranh với từ/ cụm từ phù hợp).

PICTURE

WORD/ PHRASE

1



a

monkey

2



b

worm

3



c

tomato

4



d

theatre

5



e

flower

6



f

duck

7



g

elephant

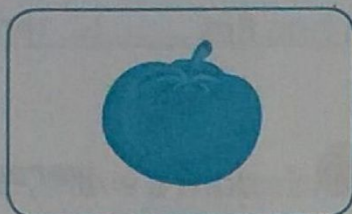
8



h

grapes

9



i

map

10



j

market

Your answers

1.	2.	3.	4.	5.
6.	7.	8.	9.	10.

Exercise 4: Listen and choose the correct answer.

[Nghe và chọn đáp án đúng].



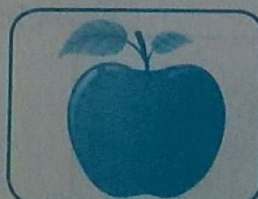
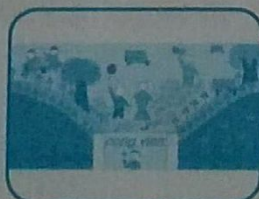
FIRST CHOICE
(A)

SECOND
CHOICE (B)

THIRD
CHOICE (C)

FOURTH
CHOICE (D)

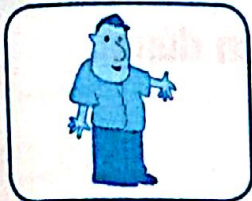
1



2



3



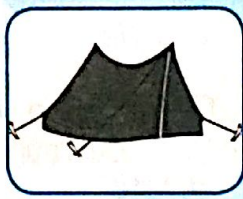
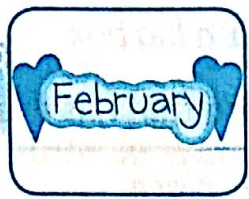
4



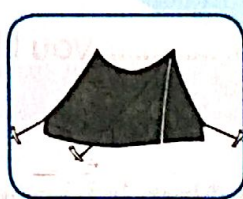
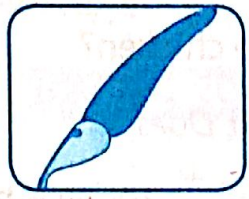
5



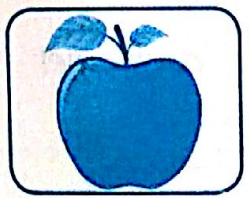
6



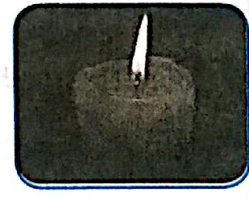
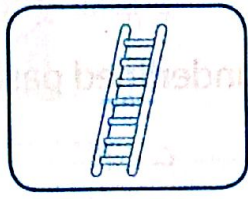
7



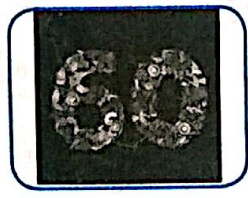
8



9



10



TEST

B

Exercise 1: Choose the correct answer. (Chọn đáp án đúng).

1. What's favourite colour? – I like red.
 a. his b. her c. your d. you
2. Is this a book? -
 a. Yes, it's not b. Yes, it c. Yes, it is. d. Yes, it isn't
3. I happy.
 a. don't b. am not c. doesn't d. isn't
4. Is it a? – No, it isn't. It's a little box.
 a. little b. a big box c. a long ruler d. big box
5. Choose the word that has the underlined part pronounced differently.
 a. late b. place c. take d. dad
6. you like chicken?
 a. Do b. Does c. Are d. Is
7. Nam is happy today is his birthday.
 a. but b. because c. and d. whether
8. Does she a bath in the afternoon?
 a. take b. takes c. taking d. to take
9. Choose the word that has the underlined part pronounced differently.
 a. bus b. but c. cut d. put
10. What would you ... for dinner?
 a. like b. do c. are d. is

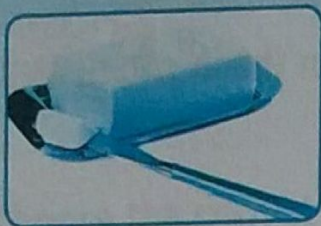
Exercise 2: Put a missing letter to complete these words.
(Điền chữ cái còn thiếu để hoàn thành các từ sau).

1. HA__R
2. TR__E
3. TE__CHER
4. EI__HER
5. CLO__D
6. DOC__OR
7. MI__K.
8. MU__IC
9. C__LOUR
10. ST__DIUM

Exercise 3: Match each picture with a suitable word/ phrase.
(Nối tranh với từ/ cụm từ phù hợp).

	PICTURE	WORD/ PHRASE
1		a <i>desktop</i>
2		b <i>volleyball</i>
3		c <i>duck</i>

4



d

badminton

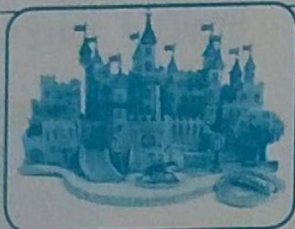
5



e

butter

6



f

bowl

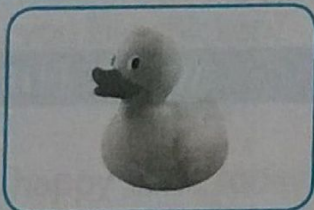
7



g

Australia

8



h

leaf

9



i

castle

10



j

king

Your answer

1.	2.	3.	4.	5.
6.	7.	8.	9.	10.

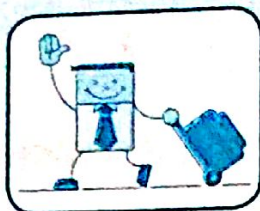
Exercise 4: Listen and choose the correct answer.
(Nghe và chọn đáp án đúng).



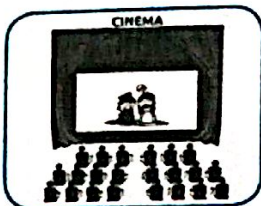
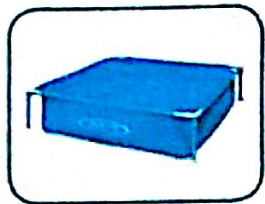
FIRST CHOICE (A)	SECOND CHOICE (B)	THIRD CHOICE (C)	FOURTH CHOICE (D)
---------------------	----------------------	---------------------	----------------------

1				
2				
3				
4				
5				
6				

7



8



9



10



ROUND 2

TEST

A

Exercise 1: Put missing letters or a word to complete these sentences.
(Điền chữ cái hoặc từ còn thiếu để hoàn thành các câu sau).

1. Happy birthday to y _ _ !
2. There _ _ _ four crayons in his box.
3. What _ _ your favourite game?
4. There _ _ _ one living room and one kitchen in my house.
5. _ _ _ _ time do you go to bed?
6. _ _ you want a car?
7. He's from Lon _ _ n.
8. Thank you _ _ _ _ much.
9. What d _ _ _ your father do?
10. _ _ _ _ do you do after school?

Exercise 2: Reorder the words/phrases to make complete sentences.
(Sắp xếp lại từ hoặc cụm từ để tạo thành câu hoàn chỉnh).

1. milk?/ some/ Would/ you/ like

2. What time/ you/ get/ do/ up?

3. you?/ the matter/ is/ What/ with

4. your/ What/ are/ eyes?/ color

5. are/ you?/ How

6. hamburger./ would/ a/ Lan/ like

7. exercises./ Nga/ is/ doing/ English

8. I/ Hanoi./ from/ am

9. that?/ is/ Who

10. am/ I/ Vietnam/ from.

Exercise 3: Pick out one redundant letter to make correct word.
(Bỏ một chữ cái thừa để có từ đúng).

1. TIREDE

2. FAEST

3. BROOTHER

4. REDA

5. CHINEMA

6. WORREY

7. LESTTER

8. RIGHET

9. ANSHWER

10. REAOD

Exercise 4: Listen and choose the correct answer.

(Nghe và chọn đáp án đúng).



1.
 - a. I am tired and cold.
 - b. I am tired and hot.
 - c. I am tired and sad.
 - d. I am tired and sick.
2.
 - a. Sock
 - b. Shop
 - c. Short
 - d. Shot
3.
 - a. These are my leaders.
 - b. These are my teachers.
 - c. These are my sisters.
 - d. These are my brothers.
4.
 - a. I'm from a hot country.
 - b. I'm from a nice country.
 - c. I'm from a tropical country.
 - d. I'm from a cold country.
5.
 - a. When do you have lunch?
 - b. Where do you have lunch?
 - c. When do you have dinner?
 - d. Where do you have dinner?
6.
 - a. This is my friend Akio.
 - b. This is my pen, Akio.
 - c. There are my pens, Akio.
 - d. Akio, this is my friend.
7.
 - a. I'm from Thailand.
 - b. I'm from Scotland.
 - c. I'm from New Zealand.
 - d. I'm from England.
8.
 - a. She likes watching TV.
 - b. He likes watching TV.
 - c. They like watching TV.
 - d. I like watching TV.
9.
 - a. A little
 - b. A liter
 - c. A ladder
 - d. A letter

10.

- a. This is my father. He is a doctor. b. This is my father. He is a worker.
c. This is my father. He is a driver. d. This is my father. He is a teacher.

TEST

B

Exercise 1: Put missing letters or a word to complete the sentences.
[Điền chữ cái hoặc từ còn thiếu để hoàn thành các câu sau]

1. What d___ your father do?
2. Let's listen ___ some music.
3. The bedrooms ___ small.
4. What time ___ you have lunch?
5. Why ____ she like English? – Because it's interesting.
6. Mary is _ doctor.
7. We have English ___ Friday.
8. It's time ___ lunch, Peter.
9. Minh is watering the flowers in the garden ___ the moment.
10. I often play chess ___ Sunday.

Exercise 2: Reorder the words/ phrases to make complete sentences.
[Sắp xếp lại từ hoặc cụm từ để tạo thành câu hoàn chỉnh].

1. in front/ the movie theatre./ meet/ Let's/ of

2. an/ That/ orange./ is

3. I/ go/ usually/ by bike./ to school

4. am/ I/ Hanoi./ from

5. your/ is/ What/ job?

6. her/ What/ name?/ is

7. music?/ like/ you/ Do

8. teachers?/ Are/ they

9. is/ English/ her/ subject./ favourite

10. Jane/ like?/ subjects/ What/ does

Exercise 3: Pick out one redundant letter to make correct word.
[Bỏ một chữ cái thừa để có từ đúng].

1. FACSTORY

2. ENGLISH

3. SLEOW

4. SKLEEP

5. WEATHER

6. LISTTEN
7. MEMMBER
8. NIEGHT
9. LOVEE
10. BEFORTE

Exercise 4: Listen and choose the correct answer.

[Nghe và chọn đáp án đúng]



1.

- | | |
|--------------------|---------------------|
| a. My name is Tim. | b. My name is Tina. |
| c. My name is Tom. | d. My name is Tony. |

2.

- | | |
|------------------------------------|---------------------------------|
| a. Which country are you going to? | b. Which city are you going to? |
| c. Which country will you go to? | d. Which city will you go to? |

3.

- | | |
|--------------------------|--------------------------|
| a. His name is Jackson. | b. His name is Johnson. |
| c. His name is Thompson. | d. His name is Anderson. |

4.

- | | | | |
|------------|------------|--------------|----------|
| a. America | b. England | c. Singapore | d. Spain |
|------------|------------|--------------|----------|

5.

- | | |
|----------------------------|-------------------------|
| a. Where do you come from? | b. Where are you from? |
| c. Where were you from? | d. Where are they from? |

6.

- | | |
|-------------------------|-----------------------|
| a. He's from Singapore. | b. He's from England. |
| c. He's from Canada. | d. He's from America. |

7.

- | | |
|----------------------------|---------------------------|
| a. I can't read and write. | b. I can read and write. |
| c. I can listen and write. | d. I can't read and ride. |

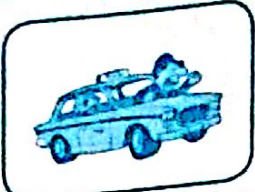
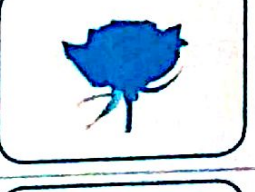
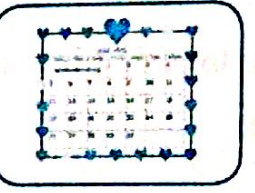
- 8.
- a. She is a leader. b. She is a doctor.
- c. She is a teacher. d. She is a lawyer.
- 9.
- a. There are two pigs. b. There are two pink bags.
- c. There are two big bags. d. There are two green bags.
- 10.
- I like very much.
- a. watching b. walking c. working d. washing

ROUND 3

TEST

A

Exercise 1: Match each picture with a suitable word/ phrase.
(Nối tranh với từ/ cụm từ thích hợp).

	PICTURE		WORD/ PHRASE
1		a	<i>calendar</i>
2		b	<i>ruler</i>
3		c	<i>taxi driver</i>
4		d	<i>bathroom</i>
5		e	<i>cinema</i>
6		f	<i>ring</i>
7		g	<i>watch</i>
8		h	<i>flower</i>

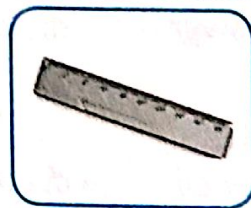
9



i

hat

10



j

clouds

Your answer

1.	2.	3.	4.	5.
6.	7.	8.	9.	10.

Exercise 2:

Put a missing letter to complete these words.

(Điền chữ cái còn thiếu để hoàn thành các từ sau).

1. RI_HT

2. AUT_MN

3. TW_N

4. BO_K

5. B_ACH

6. TRO_SERS

7. JOU_NEY

8. C_TY

9. VIL_AGE

10. COUNT_Y

Exercise 3: Choose the correct answer. (Chọn đáp án đúng).

1. Who's this?
 a. This's my father. b. It's big. c. It's cloudy. d. This is my pen.
2. Choose the word that has the underlined part pronounced differently.
 a. open b. pencil c. flower d. paper
3. How many are there?
 a. books b. boy c. pencil d. girl
4. What's her name?
 a. My name's Hien. b. I'm Linda.
 c. Her name's Thanh Hoa. d. He is Thanh.
5. This is my teacher. name is John.
 a. he b. his c. her d. your
6. What are? – They are magazines.
 a. they b. them c. their d. they's
7. Who's that?
 a. That's my school library. b. There're six chairs.
 c. That's my brother. d. That's a desk.
8. Is this school bag? – Yes, it is mine.
 a. my b. your c. you d. his
9. Make circles.
 a. four b. a c. for d. one
10. Choose the word that has the underlined part pronounced differently
 a. pink b. nice c. like d. rice

Exercise 4: Listen and choose the correct answer.

(Nghe và chọn đáp án đúng)

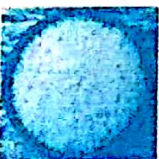


1. I'm from
 a. Canada b. America c. Japan d. France
2. Take the ones!
 a. pink b. big c. green d. pig
3. Well, I like to here.
 a. split b. sit c. speak d. sleep
4. How should we?
 a. pay b. play c. stay d. say
5. How often do you have English at?
 a. school b. rooms c. room d. schools
6. It's too
 a. big b. sick c. thin d. thick
7. Let's go to the
 a. police office b. post office c. boss's office d. main office
8. This is my new
 a. friend b. pencil bag c. pencil d. pen – friend
9. My name is
 a. Jane b. Jim c. James d. Jill
10. Do you like?
 a. apple juice b. orange juice c. fruit juice d. oranges

TEST

B

Exercise 1: Match each picture with a suitable word/phrase.
(Nối tranh với từ/cụm từ phù hợp).

	PICTURE		WORD/ PHRASE
1		a	wardrobe
2		b	sofa
3		c	Teacher's Day
4		d	rice
5		e	tired
6		f	stadium

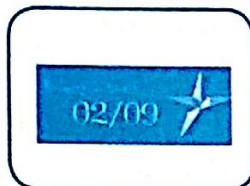
7



g

fat

8



h

livingroom

9



i

National Day

10



j

prince

Your answer

1.	2.	3.	4.	5.
6.	7.	8.	9.	10.

Exercise 2: Put a missing letter to complete these words.

(Điền chữ cái còn thiếu để hoàn thành các từ sau).

1. TH_NK

6. DIFF_CULT

2. NUM_ER

7. BED_OOM

3. MI_S

8. C_Mpany

4. PA_TY

9. JAP_N

5. FIF_H

10. P_OT0

Exercise 3: Choose the correct answer. (Chọn đáp án đúng).

1. do you have Maths?
 a. When b. An c. Some d. Is
2. Choose the word that has the underlined part pronounced differently
 a. ice cream b. like c. sing d. friday
3. Tick the odd one
 a. my b. you c. he d. she
4. do you do? – I'm a doctor.
 a. What b. What's c. How d. Who
5. What's the weather like in winter? -
 a. It's hot b. It hot c. It's cold d. It cold
6. Choose the word that has the underlined part pronounced differently
 a. cheap b. meat c. season d. weather
7. Lan and Hoa students.
 a. is b. am c. are d. isn't
8. Where are the children? -
 a. He's in the room b. She's in the room
 c. They are in the room d. We are in the room
9. is the matter?
 a. What b. How c. Who d. Where
10. is your school?
 a. What b. How c. Who d. Where

Exercise 4: Listen and choose the correct answer.

(Nghe và chọn đáp án đúng).



1. My is 100 years old.
a. mother b. grandmother c. grandfather d. father
2. I am from
a. New Zealand b. England c. Thailand d. Holland
3. This is the classroom.
a. flat b. maths c. sad d. mad
4. He is a
a. businessman b. policeman c. doctor d. nurse
5. An song.
a. English b. Scottish c. Finnish d. Korean
6. She lives in
a. Boston b. Washington c. Princeton d. Hauston
7. He is
a. German b. Korean c. Singaporean d. American
8. Do you like?
a. apple juice b. orange juice c. fruit juice d. orange
9. My grandfather was before.
a. a teacher b. a doctor c. a pilot d. an actor
10. Do you like?
a. swimming b. shopping c. playing games d. going camping

ROUND 4

TEST

A

Exercise 1: Put missing letters or words to complete these sentences.
(Điền chữ cái hoặc từ còn thiếu để hoàn thành các câu sau).

1. Tam is a ten – year – _ _ _ girl.
2. We can go to the be _ _ h in the morning.
3. I like taking a b _ s to school.
4. My father never sw _ _ _ in the winter.
5. Look! She is sing _ _ _.
6. Hello teacher. My na _ _ is Lan. I am the new student.
7. Don't go out because the weather is c _ _ d.
8. We like play _ _ _ tennis after school.
9. Minh Thu is a famous si _ _ _ r.
10. I don't like t _ _ _ ing in the class.

Exercise 2: Reorder the words/phrases to make complete sentences.
(Sắp xếp lại từ hoặc cụm từ để tạo thành câu hoàn chỉnh).

1. Kate/ Miss/ pretty./ is

2. I/ can't/ can dance/ I/ swim./ but

3. often/ football?/ play/ do you/ How

4. two/ he/ have/ daughters?/ Does

5. church/ go to/ Does/ Ann always/ on Sunday?

6. your/ walkman?/ Is/ this

7. in/ There are/ ten/ my bag./ erasers

8. is/ September/ National Day/ Our/ 2nd.

9. please./ book,/ Open/ your

10. out?/ May/ go/ I



Exercise 3: Pick out one redundant letter to make a right word.
[Bỏ một chữ cái thừa để có từ đúng].

1. SOUNG

2. WOROKBOOK

3. SPEASK

4. UART

5. TRESE

6. BICYACLE

7. SPRIENG

8. PLABTE

9. CLOSSE

10. FRIEDAY

Exercise 4: Listen and choose the correct answer.
(Nghe và chọn đáp án đúng).



1.

- a. I can play the piano.
- c. I can play domino.

- b. I can't play the piano.
- d. I can't play domino.

2.

- a. Where are the books?
- c. Where are the comics?

- b. Where are the cooks?
- d. Where are the rice cookers?

3.

- a. My cat is red.
- b. My map is red.
- c. My bed is red.
- d. My hat is red.

4.

- a. What colour is your skirt?
- b. What colour is your shirt?
- c. What colour is your bird?
- d. What colour is your coat?

5.

- a. They're on the bed.
- c. They're on the map.

- b. They're on the chest.
- d. They're on the desk.

6.

- a. He can't play basketball well.
- c. He can't play badminton well.

- b. He can't play football well.
- d. He can't play volleyball well.

7.

- a. When is your birthday?
- c. Where is your party?

- b. When is your birthday party?
- d. When's your holiday?

- 8.
- a. Can you make a hat? b. Can you feed a cat?
- c. Can you read a map? d. Can you meet a man?
- 9.
- a. Are they Anna's socks? b. Are they Anna's stocks?
- c. Are they Linda's shorts? d. Are they Linda's forks?
- 10.
- a. It's Mai's birthday today. b. It's my party today.
- c. It's my birthday today. d. It's my first day today.

TEST

B

Exercise 1: Put missing letters or words to complete these sentences.
 (Điền chữ cái hoặc từ còn thiếu để hoàn thành các câu sau).

- This time last year I was __ London.
- June 1st is Children's D__.
- The maps are __ the pictures.
- Read aloud and then sit ____.
- The weather __ nice today.
- There are two pictures __ the wall.
- On Saturday, my sister ___ I go swimming.
- Why __ she happy?
- What do your friends have? - ____ have some chalk.
- Our Uncle Ho's b_____ is on May 19th.

Exercise 2: Reorder the words/phrases to make complete sentences.
(Sắp xếp lại từ hoặc cụm từ để tạo thành câu hoàn chỉnh).

1. Was/school/yesterday?/she/at

2. the world./speak/People/all over/English

3. is/Where/bag?/my

4. want/a cup/of tea?/Does/Minh

5. the wall./The/clock/is/on

6. is/6th./Today/June

7. orange./an/He/wants

8. likes/the garden./to work/He/in

9. Is/a/shopkeeper?/Mrs/Hoa

10. today?/is/the/What/date

Exercise 3: Pick out one redundant letter to make correct word.

(Bỏ một chữ cái thừa để có từ đúng).

1. LIGHET

2. SHIOE

3. OSTHER

4. AUGAIN

5. HEASR

6. GROSUP

7. ONELY

8. DAED

9. GLASTS

10. PIANNO

Exercise 4: Listen and choose the correct answer.

(Nghe và chọn đáp án đúng).



1. She was happy because her brother was the best ...

a. doctor

b. teacher

c. player

d. engineer

2. I want some ...

a. ice-cream

b. stars

c. toys

d. stamps

3. My mother usually goes to the ... at 7 a.m.

a. market

b. English club

c. gym

d. hospital

4. She would like to have ... with me.

a. lunch

b. dinner

c. breakfast

d. supper

5. My friends always finish exercises before going to ...

a. market

b. cinema

c. theatre

d. school

6. Jenny plays ... very well but she doesn't have much freetime.

a. tennis

b. table tennis

c. football

d. games

7. Minh Thu never gets up ...
a. late b. soon c. at 7 p.m. d. before 7 p.m.
8. I like playing ... in my free time
a. chess b. cheat c. chat d. cat
9. Yesterday, my mother went to bed at ...
a. 6.30 p.m. b. 7.30 p.m. c. 8.30 p.m. d. 9.30 p.m.
10. Lan has a dog and a ...
a. cat b. fish c. bird d. monkey

ROUND 5

TEST

A

Exercise 1: Choose the correct answer. (Chọn đáp án đúng).

1. What's your father's job?
a. He is fine. b. He's a teacher. c. He's teacher. d. He's teachers.
2. What is your car?
a. colour b. this c. that d. the
3. He has maths Tuesday.
a. on b. at c. in d. from
4. I have two brothers names are Minh and Tung.
a. his b. their c. they d. theirs

5. Stand, please.

- a. up b. down c. an d. sure

6. Are these your dolls? - No,

- a. they aren't b. it isn't c. I'm not d. they can't

7. When's your birthday? It is May 10th..

- a. at b. on c. in d. for

8. I'd like orange, please.

- a. an b. a c. any d. some

9. How many are there? - There is one peach.

- a. crayons b. peachs c. peach d. peaches

10. My mother and I dinner at 6:30 p.m.

- a. has b. have c. haves d. have to

Exercise 2: Match each picture with a suitable word/phrase.
(Nối tranh với từ/ cụm từ thích hợp).

	PICTURE		WORD/ PHRASE
1		a	play the guitar
2		b	go fishing
3		c	sweater

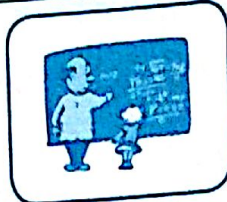
4



d

climb

5



e

road

6



f

timetable

7



g

go to the dentist's

8



h

study Maths

9



i

animals

10



j

stamp

Your answer

1.	2.	3.	4.	5.
6.	7.	8.	9.	10.

Exercise 3: Put a missing letter to complete these words.

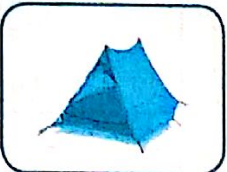
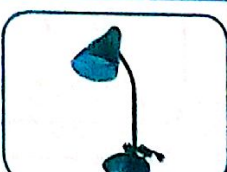
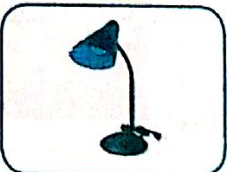
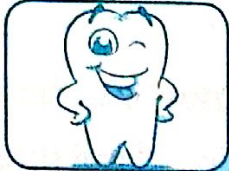
(Điền chữ cái còn thiếu để hoàn thành các từ sau).

1. M_AT
2. CO_SIN
3. PUZ_LE
4. DO_L
5. WE_THER
6. _OODLE
7. SO_CER
8. CO_NT
9. OB_ECT
10. P_OR

Exercise 4: Listen and choose the correct answer.

(Nghe và chọn đáp án đúng).

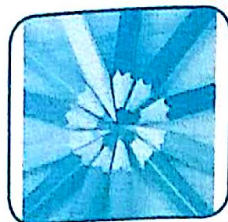


	FIRST CHOICE (A)	SECOND CHOICE (B)	THIRD CHOICE (C)	FOURTH CHOICE (D)
1				
2				
3				

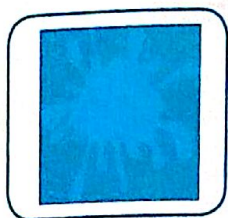
4



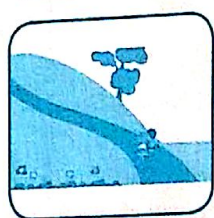
5



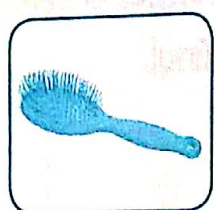
6



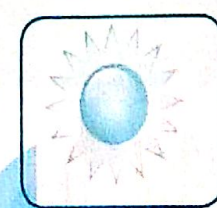
7



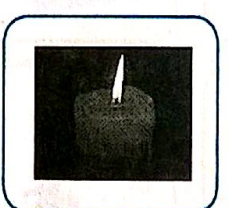
8



9



10



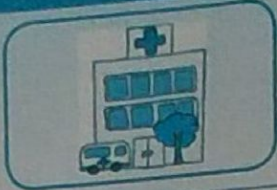
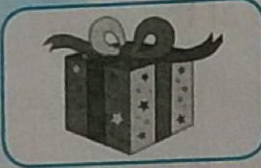
TEST

B

Exercise 1: Choose the correct answer. (Chọn đáp án đúng).

1. How's the weather Hanoi?
a. on b. at c. for d. in
2. How many are there? – There are ten.
a. pencils b. box c. notebook d. pen
3. I like and Science.
a. at b. Vietnamese c. subject d. for
4. You can buy some books or some pens at the
a. bookshop b. cinema c. post office d. zoo
5. Choose the word whose underlined part is pronounced differently.
a. small b. face c. grade d. late
6. Does he to the park? – Yes, he goes to the park on foot.
a. ride b. drive c. travel d. walk
7. do you have Maths lessons? – On Monday.
a. What b. Why c. When d. Where
8. Where is she today?
a. She's at school. b. She's from Australia.
c. She's nine years old today. d. She's doing her homework.
9. Choose the word whose underlined part pronounced differently.
a. ten b. seven c. she d. twenty

Exercise 2: Match each picture with a suitable word/phrase.
(Nối tranh với từ/ cụm từ thích hợp).

	PICTURE		WORD/ PHRASE
1		a	bookshop
2		b	zebra
3		c	write a letter
4		d	phone
5		e	rose
6		f	go to hospital
7		g	dress
8		h	food stall
9		i	birthday gift
10		j	housework

Your answer

1.	2.	3.	4.	5.
6.	7.	8.	9.	10.

Exercise 3: Put a missing letter to complete these words.
(Điền chữ cái còn thiếu để hoàn thành các từ sau).

1. AR_IVE
2. TOO_HACHE
3. D_AW
4. AB_UT
5. TE_CHER
6. AN_WER
7. ST_DIUM
8. FOO_BALLER
9. L_TTER
10. KIT_HEN

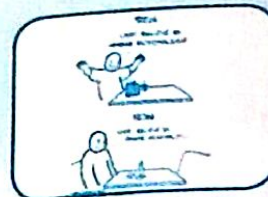
Exercise 4: Listen and choose the correct answer.
(Nghe và chọn đáp án đúng).



FIRST CHOICE (A)	SECOND CHOICE (B)	THIRD CHOICE (C)	FOURTH CHOICE (D)

1

2



3



4



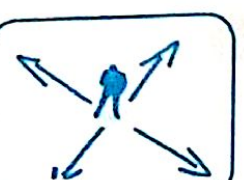
5



6



7



8



9



10



ROUND 6

TEST

A

Exercise 1: Put missing letters or words to complete these sentences.
(Điền chữ cái hoặc từ còn thiếu để hoàn thành các câu sau).

1. I often play sports __ Tuesday afternoons.
2. Tom __ born on October 24th.
3. I often have bread and milk ___ breakfast.
4. How old __ your grand mother?
5. My little daughter is interested __ dancing.
6. My mother often gets __ early in the morning.
7. There are two pens __ the table.
8. They go to school _____ Monday to Friday.
9. I like to _____ the piano, too.
10. Today I go shopping because I want to b__ some new clothes.

Exercise 2: Reorder the words/phrases to make complete sentences.
(Sắp xếp lại từ hoặc cụm từ để tạo thành câu hoàn chỉnh).

1. a/ near/ There is/ bank/ my school.

2. are/ Our/ and Jane./ names/ Mary

3. Alan and Lili/ can/ many/ things./ do

4. do/ you/ today?/ What/ go to school/ time

5. at school./ I/ have/ many/ friends

6. playing/ Her mother/ badminton/ likes/ very much.

7. likes/ Jane/ the shop./ in/ everything

8. let/ near the lake./ the children/ Don't/ play

9. books./ to read/ She often/ goes to/ the library

10. please./ your/ Show/ pen,/ me

Exercise 3: Match each picture with a suitable word/ phrase.
(Nối tranh với từ/ cụm từ thích hợp).

PICTURE

WORD/ PHRASE

1



a

go to the bank

2



b

the moon

3



c

water sports

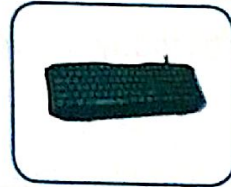
4



d

go to the church

5



e

a birthday cake

6



f

cut the tree

7



g

handbag

8



h

clear the window

9



i

a cup of tea

10



j

computer keyboard

Your answer

1.	2.	3.	4.	5.
6.	7.	8.	9.	10.

Exercise 4: Listen and choose the correct answer.
(Nghe và chọn đáp án đúng)



1.

a. My birthday is in February.

b. My first day is in January.

c. My first day is in February.

d. My birthday is in January.

2.

a. Where does your father work?

b. When does your father work?

c. When does your mother work?

d. Where does your mother walk?

3.

a. I like playing badminton.

b. I like to play badminton.

c. I played badminton.

d. I love to play badminton.

4.

a. How many books are there in your school bag?

b. How many notebooks are there in your school bag?

c. How many boxes are there in your bag?

d. How many pupils are there in your school bus?

5.

a. I have ten aunts and eight uncles, too!

b. I have eight aunts and ten uncles, too!

c. I have eight aunts and eight uncles, too!

d. I have ten aunts and ten uncles, too!

6.

- a. I go to school by bus. b. I go to school by bike.
c. I go to school on foot. d. I go to school by train.

7.

- a. I've got some books. b. I've got some new notebooks.
c. I've got some new books. d. I've got some cute books.

8.

- a. Look! That's teacher Lee. b. Look! That's sister Lee.
c. Look! That's cousin Lee. d. Look! That's doctor Lee.

9.

- a. Excuse me! How do you go to work?
b. Excuse me! How do you go to school?
c. Excuse me! How do you work?
d. Excuse me! How are you going to work?

10.

- a. Oh, really? My father's a factory manager, too.
b. Oh, really? My father's a factory worker, too.
c. Oh, really? My mother's a factory worker, too.
d. Oh, really? My brother's a factory worker, too.

TEST

B

Exercise 1: Put missing letters or words to complete these sentences.
(Điền chữ cái hoặc từ còn thiếu để hoàn thành các câu sau).

1. I __ morning exercises every day.

2. Mai likes flowers because _____ are beautiful.
3. Where __ you study, Trang?
4. What's the w _____ like in the Summer? – It's hot.
5. Does Tommy _____ Maths on Tuesday?
6. My brother is __ engineer.
7. What _____ your father do?
8. They are farmers. They work o_ a farm.
9. The museum __ behind the park.
10. I have a dog ____ a cat.

Exercise 2 Reorder the words/phrases to make complete sentences.
(Sắp xếp lại từ hoặc cụm từ để tạo thành câu hoàn chỉnh).

1. Do/ like/ visiting/ you/ Paris?

2. is/ she/ book/ reading/ the room./ in

3. the/ door!/ Close

4. How/ the/ girl/is!/ cute

5. There/ cinema/ a/ in front of/ my house./ is

6. My room/ small/ but/ beautiful./ is

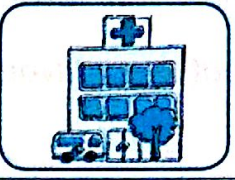
7. Do/ like/ you/ maths?

8. What/ do/ like?/ subject/ you

9. He/ playing/ is/ with/ his friend/ football.

10. My mother/ reading/ book/ cooking./ about/ likes.

Exercise 3: Match each picture with a suitable word/ phrase.
(Nối tranh với từ/ cụm từ thích hợp).

	PICTURE		WORD/ PHRASE
1		a	ride a horse
2		b	an address book
3		c	go to church
4		d	jeans
5		e	a fat cat

6



f

computer keyboard

7



g

go to the sea

8



h

butterfly

9



i

wear uniforms

10



j

hospital

Your answer

1.	2.	3.	4.	5.
6.	7.	8.	9.	10.

Exercise 4: Listen and choose the correct answer.
(Nghe và chọn đáp án đúng)



1.

- a. What's your favourite book?
- c. What's your favourite fish?

- b. What's your favourite cook?
- d. What's your favourite food?

2.

- a. What's your favourite topic? b. What's your favourite classmate?
- c. What's your favourite project? d. What's your favourite subject?

3.

- a. It's time to go for a walk, John. b. It's time to go to work, John.
- c. It's time to go for a walk, Tom. d. It's time to go to the park, Tom.

4.

- a. It's a big festival in our country. b. It's a big animal in our country.
- c. It's a big festival in your country. d. It's a big animal in your country.

5.

- a. Does he like riding horses? b. Does he like to ride a bicycle?
- c. Does he like riding bicycle? d. Does he like to ride a tricycle?

6.

- a. Where does your father work? b. When does your father work?
- c. When does your mother work? d. Where does your father walk?

7.

- a. Let's sing "Happy Thursday" to her. b. Let's sing "Happy birthday" to her.
- c. Let's say "Happy birthday" to her. d. Let's say "Happy Thursday" to her.

8.

- a. He is playing with his father.
- b. He is learning with his father.
- c. He is going to the cinema with his father.
- d. He is walking with his father.

9. a. Do you have any pens? b. Do you have any notebooks?
c. Do you have any pencils? d. Do you have any books?
10. a. I always go to school by bike.
b. I always go to school on foot.
c. I always go to school by bus.
d. I always go to school in the morning.

ROUND 7

TEST

A

Exercise 1: Put missing letters or words to complete these sentences.
(Điền chữ cái hoặc từ còn thiếu để hoàn thành các câu sau)

1. They speak _ _ _ _ English and French very well.
2. Come and look at my room. – What _ lovely room you have!
3. Lucy wants to _ _ a dancer.
4. Where is he _ _ _ _? – He's from Thailand.
5. They watch news _ _ TV every morning.
6. I like my school _ _ _ _ much.
7. She never stays _ _ late at night

8. Hello, my name's Kate. I am ten _____ old.

9. He's from L_____n. He's English.

10. There _____ four crayons in his box.

Exercise 2: Choose the correct answer. (Chọn đáp án đúng).

1. Choose the word that has the underlined part pronounced differently.

- a. look b. book c. cook d. floor

2. Choose the word that has the underlined part pronounced differently.

- a. read b. head c. weather d. leather

3. Her children short hair.

- a. *has* b. *have* c. *is* d. *are*

4. I sorry. I am late.

- a. *am* b. *is* c. *are* d. *not*

5. She doesn't have friends at her new school.

- a. *many* b. *much* c. *some* d. *a*

6. school are you in? – Pham Hong Thai primary school.

- a. *Which* b. *What* c. *When* d. *Where*

7. He is Vietnam.

- a. *from* b. *at* c. *on* d. *to*

8. Choose the word that has the underlined part pronounced differently.

- a. tall b. many c. small d. all

9. It's time lunch now.

- a. *at* b. *for* c. *to* d. *of*

10. Lam is a at To Hoang primary school.

- a. *student* b. *students* c. *pupils* d. *doctor*

Exercise 3: Pick out one redundant letter to make correct word.
(Bỏ một chữ cái thừa để có từ đúng).

1. REALDY
2. PIANDO
3. POEINT
4. REPEAST
5. HOSTPITAL
6. MONRTH
7. PAILNT
8. FILSM
9. WHIOTE
10. DURINEG

Exercise 4: Listen and choose the correct answer.
(Nghe và chọn đáp án đúng).



	FIRST CHOICE (A)	SECOND CHOICE (B)	THIRD CHOICE (C)	FOURTH CHOICE (D)
1				
2				
3				



TEST

B

Exercise 1: Put missing letters or a word to complete these sentences.
(Điền chữ cái hoặc từ còn thiếu để hoàn thành các câu sau).

1. Mai ___ born in 1996.
2. My elder sister is cooking in the _____

3. Lucy wants to ___ a dancer.
4. Where _____ your father work?
5. _____ is the cat? – It's under the table.

Exercise 2: Choose the correct answer. (Chọn đáp án đúng).

1. Choose the word that has the underlined part pronounced different.
 a. bank b. factory c. any d. map
2. Happy birthday, Mary. This cake is for ...
 a. I b. you c. he d. she
3. She often ... songs in front of her classmates.
 a. sing b. singing c. singer d. sings
4. I want to thank you ... helping me.
 a. of b. about c. for d. to
5. Choose the word that has the underlined part pronounced different.
 a. end b. begin c. bed d. every
6. At school, we learn ... a lot of things.
 a. in b. at c. to d. about
7. We're dancing. Do you want to dance with ...?
 a. we b. they c. us d. them
8. Jane always gets up early, so she is ... late for class.
 a. usually b. often c. sometimes d. never
9. Choose the word that has the underlined part pronounced different.
 a. near b. hear c. ear d. read
10. Nice to meet ..., Loan.
 a. her b. his c. you d. me

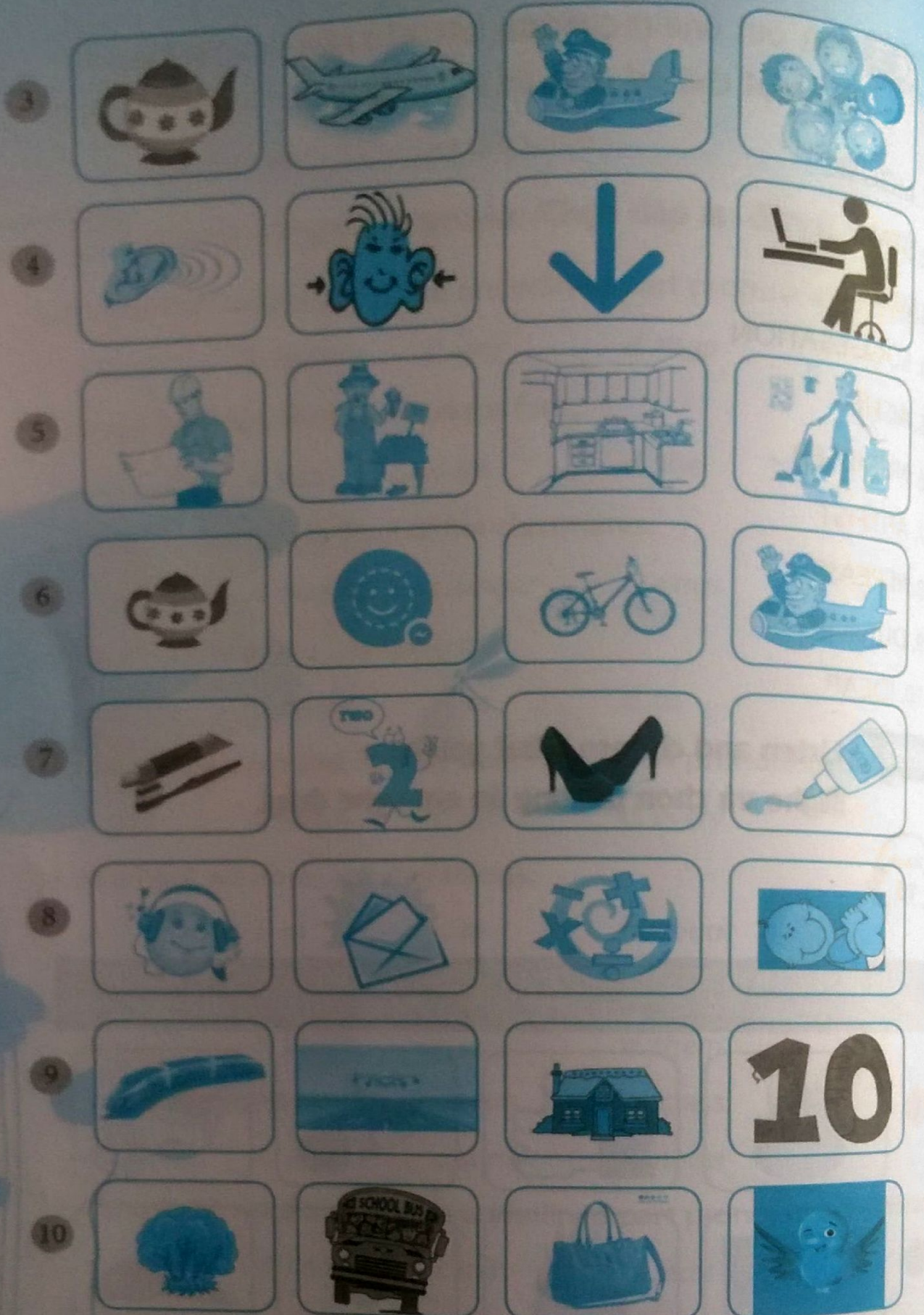
Exercise 3: Pick out one redundant letter to make correct word.
(Bỏ một chữ cái thừa để có từ đúng).

1. MOUSIC
2. STALY
3. MISES
4. SUGGESATION
5. AGHE
6. NUMBEER
7. ARTFIST
8. REPEAT
9. DURINEG
10. IDEAP

Exercise 4: Listen and choose what you hear
(Nghe và chọn phương án em nghe thấy).



	FIRST CHOICE (A)	SECOND CHOICE (B)	THIRD CHOICE (C)	FOURTH CHOICE (D)
1				
2				



ROUND 8

TEST

A

Exercise 1: Match each picture with a suitable word/ phrase.
(Nối tranh với từ/ cụm từ thích hợp).

	PICTURE		WORD/ PHRASE
1		a	engineer
2		b	dancing
3		c	walking
4		d	nose
5		e	shoes

6



f

bear

7



g

singers

8



h

shop

9



i

fan

10



j

doctor

Your answer

1.	2.	3.	4.	5.
6.	7.	8.	9.	10.

Exercise 2: Put missing letters or a word to complete these sentence

(Điền chữ cái hoặc từ còn thiếu để hoàn thành các câu sau)

1. My sister is cooking in the kitchen. – Are you going to help ___?
2. Living in Ho Chi Minh city __ so boring.
3. She comes _____ Paris. She is French.
4. Kenny is in grade 7. He goes to school six days _ week.
5. Where do you live, in the country __ in the city?

6



f

bear

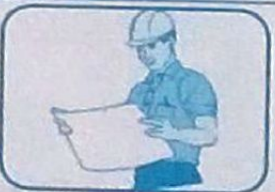
7



g

singers

8



h

shop

9



i

fan

10



j

doctor

Your answer

1.	2.	3.	4.	5.
6.	7.	8.	9.	10.

Exercise 2: Put missing letters or a word to complete these sentences.
(Điền chữ cái hoặc từ còn thiếu để hoàn thành các câu sau).

1. My sister is cooking in the kitchen. – Are you going to help ___?
2. Living in Ho Chi Minh city __ so boring.
3. She comes _____ Paris. She is French.
4. Kenny is in grade 7. He goes to school six days _ week.
5. Where do you live, in the country __ in the city?

6. Bill is a doctor. He _____ in a hospital.
7. Every morning, my sister _____ her teeth. Then she goes to school.
8. During music lessons, we learn to _____ songs.
9. What meat would you like _____ dinner, Jane?
10. He gets a lot of gifts _____ Christmas.

Exercise 3: Reorder the words/phrases to make complete sentences.
 (Sắp xếp lại từ hoặc cụm từ để tạo thành câu hoàn chỉnh).

1. bed/ never/ late./she/goes to

2. a/ woman./ Katie/ is/ very nice

3. do?/ mother/ your/ What/ does

4. always/ wears/ on Monday./ He/ the uniform

5. Tell me/ about/ please/ your study./ more

6. Our/ 11 players./ has/ football/ team

7. walks/ always/ to/ My mother/ the market.

8. bicycles./ the supermarket/ by/ We/ go to

9. at/ My brother/ tennis/ is playing/ the moment.

10. English/ good./ Tan's/ is not/ very

Exercise 4: Listen and choose what you hear
(Nghe và chọn phương án em nghe thấy).



	FIRST CHOICE (A)	SECOND CHOICE (B)	THIRD CHOICE (C)	FOURTH CHOICE (D)
1				
2				
3				
4				
5				



TEST

B

Exercise 1: Put missing letters or a word to complete these sentences.
(Điền chữ cái hoặc từ còn thiếu để hoàn thành các câu sau).

- _____ is the cat? – It's under the table.
- Please, let Johny go _____ you.
- What _ bad day! It rains all day and I'm tired.
- Nice to meet _ _ _ again, Mary. – Me too.
- They often go home to have lunch _ _ _ _ their children.

Exercise 2: Choose the correct answer. (Chọn đáp án đúng).

1. Choose the word that has the underlined part pronounced differently.

a. fine b. night c. nice d. miss
2. Hello, my ... Jim.

a. name is b. name c. names d. is name
3. His garden ... big

a. are b. is c. am d. be
4. Look! They are ... volleyball.

a. play b. plays c. playing d. are playing
5. Choose the odd one.

a. late b. work c. easy d. lazy
6. Choose the word that has the underlined part pronounced differently.

a. look b. book c. cook d. afternoon
7. I like English because it is ...

a. playing b. learning c. interesting d. hungry
8. Classes start ... seven and end ... half past eleven.

a. on-on b. in-in c. from-to d. at-at
9. ... school are you in? – Kim Dong primary school.

a. Which b. What c. When d. Where
10. It's not difficult ... a new dress.

a. make b. makes c. to make d. making

Exercise 3: Pick out one redundant letter to make correct word.
(Bỏ một chữ cái thừa để có từ đúng).

- | | |
|-----------------|------------|
| 1. MOUSIC | 6. NUMBEER |
| 2. STALY | 7. ARTFIST |
| 3. MISES | 8. REPEAT |
| 4. SUGGESASTION | 9. DURINEG |
| 5. AGHE | 10. IDEAP |

Exercise 4: Listen and choose what you hear
(Nghe và chọn phương án em nghe thấy).



	FIRST CHOICE (A)	SECOND CHOICE (B)	THIRD CHOICE (C)	FOURTH CHOICE (D)
1				
2				
3				
4				

5



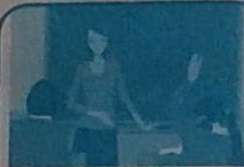
6



7



8



9



10



ROUND 9

TEST

A

Exercise 1: Pick out one redundant letter to make correct word.
(Bỏ một chữ cái thừa để có từ đúng).

1. MOMENOT
2. MOSVIE
3. DOWON
4. SUMMEARY
5. NNAME
6. PECT
7. RIGHT
8. SLOWW
9. LETTEAR
10. BLEACK

Exercise 2: Choose the correct answer. (Chọn đáp án đúng).

1. Choose the word that has the underlined part pronounced differently
a. twenty b. happy c. by d. early
2. Choose the word that has the underlined part pronounced differently
a. cut b. fun c. put d. sun

3. Choose the odd one.
a. am b. is c. are d. and
4. The Browns ... working in the garden now.
a. is b. are c. do d. does
5. He likes playing sports ... football and tennis.
a. such as b. such like c. sample d. example
6. Choose the word that has the underlined part pronounced differently.
a. what b. when c. where d. who
7. People usually cook food in the ...
a. bathroom b. kitchen c. livingroom d. bedroom
8. I want to thank you ... helping me with this job.
a. of b. about c. for d. to
9. His house is ... to my house
a. behind b. in front c. next d. near
10. Choose the word that has the underlined part pronounced differently.
a. end b. begin c. bed d. every

Exercise 3: Match each picture with a suitable word/ phrase.
(Nối tranh với từ/ cụm từ phù hợp).

	PICTURE		WORD/ PHRASE
1		a	computer
2		b	hearts

3



c

smile

4



d

go shopping

5



e

seaside

6



f

pumpkin

7



g

school library

8



h

women

9



i

shoes

10



j

bench

Your answer

1.	2.	3.	4.	5.
6.	7.	8.	9.	10.

3



c

smile

4



d

go shopping

5



e

seaside

6



f

pumpkin

7



g

school library

8



h

women

9



i

shoes

10



j

bench

Your answer

1.	2.	3.	4.	5.
6.	7.	8.	9.	10.

Exercise 4: Listen and choose what you hear
(Nghe và chọn phương án em nghe thấy).



- 1..... do you celebrate Teacher's day in your school?
a. Why b. Where c. How d. What
2. These ... are for you.
a. flowers b. trousers c. papers d. tables
3. The Teacher's Day was an exciting and ... day for both teachers and pupils of my school.
a. available b. unusual c. memorable d. notable
4. We have an ... musical show.
a. meeting b. interested c. interesting d. boring
5. My teacher received a lot of ... on Teacher's Day.
a. fowers b. flower c. flyers d. shower
6. Does your brother like reading ...?
a. hurry train b. Henry's tail c. very detail d. fairy tales
7. We saw a ... in the school yard.
a. animal show b. fashion show c. music show d. musical show
8. ... is a big festival on December 25th in many countries.
a. Children's day b. New year c. Christmas d. Teacher's Day
9. I go to the ... for some stamps.
a. post office b. police office c. postcard d. boss's office
10. The teachers of my school ... Teacher's Day yesterday.
a. celebrated b. held c. made d. decorated

TEST

B

Exercise 1: Put a missing letter to complete these words.

(Điền chữ cái còn thiếu để hoàn thành các từ sau).

1. SO_EONE
2. NUR_E
3. W_ONG
4. FA_ILY
5. A_RPORT
6. _ARKET
7. E_ENT
8. CO_FEE
9. SOME_IMES
10. PI_NIC

Exercise 2: Put missing letters or a word to complete these sentences.

(Điền chữ cái hoặc từ còn thiếu để hoàn thành các câu sau).

1. What's _ _ _ _ to drink? – There is some orange juice.
2. Every day I clean the room _ _ _ help my mum cook.
3. I am never late _ _ _ school.
4. We are having _ break now.
5. She's dr _ _ _ _ a picture.

Exercise 3: Reorder the words/phrases to make complete sentences
(Sắp xếp lại từ hoặc cụm từ để tạo thành câu hoàn chỉnh)

1. today./ There is/ of/ a lot/ rain

2. What/ you/ to eat?/ would/ like

3. at?/ you/ What/ good/ are/ subject

4. I/ office./ live/ near/ the/post

5. are there/ How/ in a month?/ Sundays/ many

6. in/ What/ the evening?/ you do/ do

7. for/ Minh? you/ Are/ looking

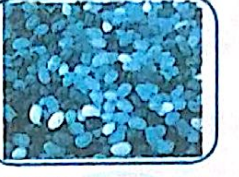
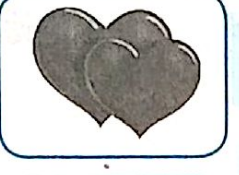
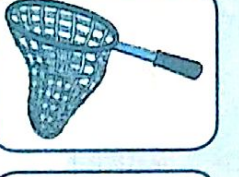
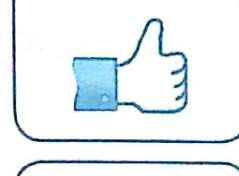
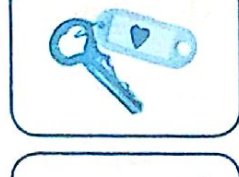
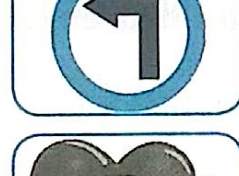
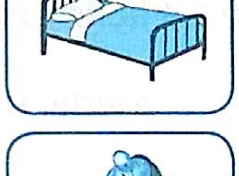
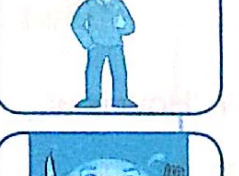
8. on/ have/ We/ no classes/ Saturday.

9. working/ with you./ like/ I

10. a letter/ Jane./ I'm/ from/ reading

Exercise 4: Listen and choose what you hear
(Nghe và chọn phương án em nghe thấy).



	FIRST CHOICE (A)	SECOND CHOICE (B)	THIRD CHOICE (C)	FOURTH CHOICE (D)
1				
2				
3				
4				
5				
6				
7				
8				
9				
10				

ROUND 10

TEST

A

Exercise 1: Put a missing letter to complete these words.
(Điền chữ cái còn thiếu để hoàn thành các từ sau).

1. TO_AY
2. GUE_S
3. MOM_NT
4. _ARKET
5. CO_RECT
6. N_TE
7. N_ISY
8. NUR_E
9. DIFFE_ENT
10. A_RPORT

Exercise 2: Put missing letters or a word to complete these sentence
(Điền chữ cái hoặc từ còn thiếu để hoàn thành các câu sau)

1. How is w_____ a letter to her pen friend in England?
2. _____ is the new girl's name?

3. I need some stamps. Where is the _____ office?
4. English is a difficult ____ interesting language.
5. Andrew wants to _____ to some music at home.

Exercise 3: Reorder the words/phrases to make complete sentences.
 [Sắp xếp lại từ hoặc cụm từ để tạo thành câu hoàn chỉnh].

1. There is/ today./ rain/ of/ a lot

2. would/ What/ you/ like/ to eat?

3. at?/ you/ What/ are/ good/ subject

4. a lot/ learn/ I/ about/ animals and plants.

5. in the room/ is doing/ English exercises/ now?/ Who

6. have/ We/ no classes/ Saturday and Sunday./ on

7. to tell/ I/ a story/ you./ have

8. all/ the time./ My mother/ busy/ is

9. well/ don't know/ very/ I/ her

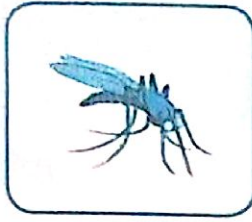
10. in a month?/ Sundays/ many/ are there/ How

Exercise 4: Listen and choose what you hear
(Nghe và chọn phương án em nghe thấy).

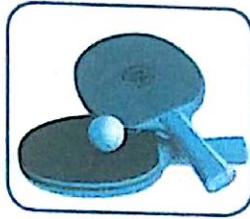


	FIRST CHOICE (A)	SECOND CHOICE (B)	THIRD CHOICE (C)	FOURTH CHOICE (D)
1				
2				
3				
4				
5				
6				

7



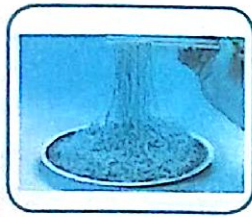
8



9



10



TEST

B

Exercise 1: Put a missing letter to complete these words.
(Điền chữ cái còn thiếu để hoàn thành các từ sau).

1. ST_ONG

2. E_ENT

3. C_OOSE

4. SN_W

5. N_TE

6. FA_ILY
7. J_LY
8. _ESULT
9. _UESTION
10. WEE_END

Exercise 2: Put missing letters or a word to complete these sentences
(Điền chữ cái hoặc từ còn thiếu để hoàn thành các câu)

1. Is the film inter_____? – Yes, it is.
2. _____ you like some biscuits? – No, I wouldn't
3. I am drawing ___ colouring a picture.
4. Mai is staying with her uncle ___ a farm this summer.
5. Our football team ___ 11 players.

Exercise 3: Reorder the words/phrases to make complete sentences
(Sắp xếp lại từ hoặc cụm từ để tạo thành câu hoàn chỉnh)

1. learn/ Students/ things/ a lot of/ at school.

2. for me./ are/ lessons/ interesting/ Science

3. There's/ flower garden/ my house./ next to/ a beautiful

4. need/ hurry./ There is/ no/ to

5. popular/ a/ Hong Nhung/ is/ singer.

6. with children/ love/ very much./ working/ They

7. Open/ book/ the page 20./ to/ the

8. My house/ small/ but/ beautiful./ is

9. some/ you/ papers?/ Can/ give/ me

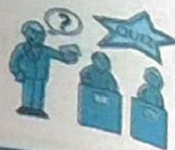
10. Does Jannie/ a week?/ go to/ the swimming pool/ three times

Exercise 4: Listen and choose what you hear
 [Nghe và chọn phương án em nghe thấy].

Track
21

	FIRST CHOICE (A)	SECOND CHOICE (B)	THIRD CHOICE (C)	FOURTH CHOICE (D)
1				
2				
3				

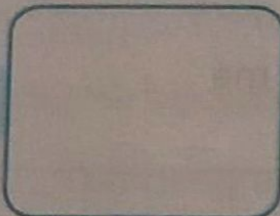
4



5



6



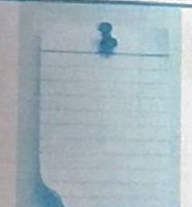
7



8



9



10



ROUND 11

TEST

A

Exercise 1: Pick out one redundant letter to make correct word.
[Bỏ một chữ cái thừa để có từ đúng].

1. LOFVE
2. FLODWER
3. ANSOWER
4. TENTNIS
5. SEPEK
6. DOLOR
7. BOAROD
8. IDEAR
9. PRITMARY
10. TELERPHONE

Exercise 2: Choose the correct answer. [Chọn đáp án đúng].

1. Choose the odd one.

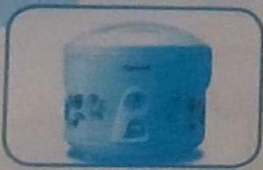
- a. puzzle b. bingo c. chess d. football

2. Choose the word that has the underlined part pronounced differently.

- a. face b. orange c. potato d. play

3. They goa picnic every summer.
a. in b. with c. to d. for
4. Choose the word that has the underlined part pronounced differently.
a. ride b. bike c. like d. winter
5. My pet is a ...
a. ship b. kite c. rabbit d. robot
6. Why does your mother go to the food stall?
 Because she wants some ...
a. books b. stamps c. hamburgers d. T shirt
7. ... do you get up every morning? I get up at five thirty.
a. How b. What c. What time d. Who
8. Lan doesn't like fish so she ... eats it.
a. always b. often c. never d. usually
9. How long are you going to stay there? - ... five days.
a. In b. For c. On d. At
10. He lives near Ben Thanh market so it's very ... there.
a. noisy b. noise c. nose d. noisiest

Exercise 3: Match each picture with a suitable word/phrase.
 (Nối tranh với từ/ cụm từ thích hợp).

	PICTURE		WORD/ PHRASE
1		a	<i>one hundred</i>
2		b	<i>read a book</i>

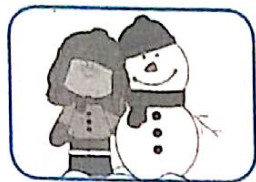
3



c

cold

4



d

talk on the phone

5



e

table calendar

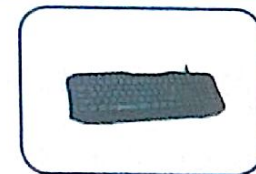
6



f

rice cooker

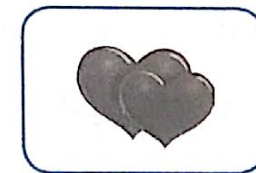
7



g

play chess

8



h

key board

9



i

fish

10



j

heart

Your answer

1.	2.	3.	4.	5.
6.	7.	8.	9.	10.

Exercise 4: Listen and choose what you hear
(Nghe và chọn phương án em nghe thấy).



1.

- a. He's doing English exercises now.
- b. He's doing music exercises now.
- c. He's doing exercises now.
- d. He's doing maths exercises now.

2.

- a. Some students like funny stories.
- b. Some students like to read funny stories.
- c. Some students like reading funny stories.
- d. Some students like stories funny.

3.

- a. Where do you like to go in summer?
- b. Where do you like to go in autumn?
- c. Where do you like to go in spring?
- d. Where do you like to go in winter?

4.

- a. How many lessons are there in England?
- b. How many seasons are there in England?
- c. How many reasons are there in England?
- d. How many seasons are there in English?

5.

- a. I usually do morning exercise before breakfast.
- b. I usually do morning exercise before breaktime.
- c. I usually do morning exercise before bedtime.
- d. I usually do morning exercise before freetime.

6.

- a. My math teacher is writing on the board.
- b. My math teacher is writing on the desk.
- c. My teacher is writing on the blackboard.
- d. My math teacher is writing on the blackboard.

7.

- a. My family goes to the cinema twice a week.
- b. My family goes to the cinema one a week.
- c. My family goes to the cinema per a week.
- d. My family goes to the cinema once a week.

8.

- a. The park is near my house.
- b. The park is close my house.
- c. The park is behind my house.
- d. The park is next to my house.

9.

- a. She is writing a letter to her friend in Paris.
- b. She is writing a letter to her friend in London.
- c. She is writing a letter to her friend in Vietnam.
- d. She is writing a letter to her friend in England.

10.

- a. We want to have break now.
- b. We want to have a break time.
- c. We want to have a break now.
- d. We want to have a break time now.

TEST

B

Exercise 1: Pick out one redundant letter to make correct word.
(Bỏ một chữ cái thừa để có từ đúng).

- 1. BOAROD
- 2. FEMEALE
- 3. ALSOU
- 4. PARKENTS
- 5. PICETURE
- 6. LIBERARY
- 7. DOWIN
- 8. CHEASS
- 9. BRINAG
- 10. SMOUKE

Exercise 2: Choose the correct answer. (Chọn đáp án đúng).

- 1. My favorite ... is beef.
 - a. drink
 - b. vegetables
 - c. food
 - d. sports
- 2. Some students are funny stories.
 - a. read
 - b. reading
 - c. reads
 - d. readed

3. What's your sister doing? She's ... a book.
a. singing b. reading c. teaching d. ringing
4. How many hours ... a day?
a. he works b. is he work c. does he work d. does he works
5. Look! ... woman is painting the wall.
a. That b. Those c. These d. This is
6. Peter ... a white cat and a black dog.
a. has b. have c. had d. having
7. How long are you going to stay there? - ... five days.
a. in b. for c. on d. at
8. Choose the word that has the underlined part pronounced differently.
a. ride b. bike c. like d. winter
9. Would you like ... chicken?
a. an b. some c. any d. those
10. What do you do?.....
a. I live in London b. I'm a teacher c. I'm 12 d. I'm Jenny

Exercise 3: Match each picture with a suitable word/phrase.
 (Nối tranh với từ/ cụm từ phù hợp).

	PICTURE		WORD/ PHRASE
1		a	<i>boots</i>
2		b	<i>eat sweets</i>

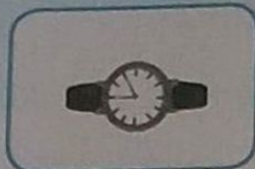
3



c

jump

4



d

go fishing

5



e

waste basket

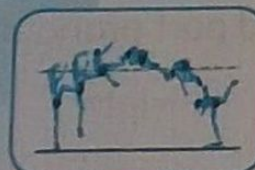
6



f

write a letter

7



g

watch

8



h

walk along the seaside

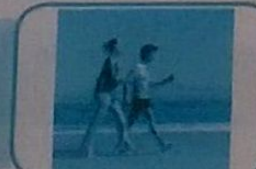
9



i

talk on the phone

10



j

dragon

Your answer

1.	2.	3.	4.	5.
6.	7.	8.	9.	10.

Exercise 4: Listen and choose what you hear
(Nghe và chọn phương án em nghe thấy).



1.

- a. She is writing a letter to her friend in Paris.
- b. She is writing a card to her friend in Paris.
- c. She is writing a letter to her pen friend in Paris.
- d. She is writing a card to her pen friend in Paris.

2.

- a. Tom never plays basketball in the evening.
- b. Tom never plays volleyball in the evening.
- c. Tom never plays football in the evening.
- d. Tom never plays with ball in the evening.

3.

- a. Where do you like to go in autumn?
- b. Where do you like to go in spring?
- c. Where do you like to go in summer?
- d. Where do you like to go in winter?

4.

- a. Lan is writing a letter for her pen friend.
- b. Lan is writing a letter for her friend.
- c. Lan is writing a letter for her close friend.
- d. Lan is writing a letter for her best friend.

5.

- a. My family goes to the cinema twice a week.
- b. My family goes to the cinema once a week.
- c. My family goes to the cinema once per a week.
- d. My family goes to the cinema 3 times a week.

6.

- a. I usually do exercise in the morning.
- b. I usually do math exercise in the morning.
- c. I usually do exercise in the evening.
- d. I usually do math exercise in the evening.

7.

- a. Do you have glasses?
- b. Do you have swimming glasses?
- c. Do you have any glasses?
- d. Do you have sunglasses?

8.

- a. She sometimes goes to the zoo with her friend.
- b. She sometimes goes to the zoo with her father.
- c. She sometimes goes to the zoo with her mother.
- d. She sometimes goes to the zoo with her family.

9.

- a. Tom reads cook books in his free time.
- b. Tom reads books in his free time.
- c. Tom reads magazines in his free time.
- d. Tom reads stories in his free time.

10.

- a. We want to have break now.
- b. We want to have a break time.
- c. We want to have break now.
- d. We want to have break time now.

ROUND 12

TEST

A

Exercise 1: Pick out one redundant letter to make correct word.
(Bỏ một chữ cái thừa để có từ đúng).

1. DRAGOON
2. TABBLE
3. NOTEBOOAK
4. SCEHOOL
5. LAPTYOP
6. BOOX
7. CEALLPHONE
8. PIAMNO
9. STADIUM
10. PEOPLE

Exercise 2: Choose the correct answer. (Chọn đáp án đúng).

1. What do you and your friends learn in English? – We learn about ...
c. English d. books c. languages b. animals and plants
2. My friend Tom is from Washington D.C. He's ...
a. Singaporean b. English c. American d. Chinese

3. Choose the word that has the underlined part pronounced differently.
 a. this b. there c. thank d. that
4. Look! ... girl is singing.
 a. That b. They c. Those d. These
5. Choose the word that has the underlined part pronounced differently.
 a. fan b. family c. lamp d. park
6. Choose the word that has the underlined part pronounced differently.
 a. kite b. think c. drink d. king
7. ...? – They are ants.
 a. Who is those b. What are they
 c. How many are there d. How many are those
8. What do you do? -
 a. I'm fine. b. I'm a translator c. I live in Paris d. I'm Louis
9. Is that your pen? – No, ...
 a. it is my ruler b. it is c. it isn't d. it is my pen
10. I'm thirsty. Is there anything ...?
 a. drink b. to drink c. eat d. to eating

Exercise 3: Reorder the words/phrases to make complete sentences
 (Sắp xếp lại từ hoặc cụm từ để tạo thành câu hoàn chỉnh)

1. presents./ books/ My friends/ as/ often give me

2. don't/ want/ volleyball./ I/ to play

3. is/ sport./ Football/ favourite/ my

4. in the morning./ football/ They/ never/ play

5. do you/ with?/ Who/ often/ go

6. No/ ink/ the pot./ is/ in

7. Lan/ the puzzle/ finishes/ fast./ very

8. those/ the toys/ you want/ Are/ to buy?

9. or/ Are you/ going to/ the cinema/ the circus?

10. time./ you/ tells/ the/ A clock

Exercise 4: Listen and choose what you hear

[Nghe và chọn phương án em nghe thấy].



1. We celebrated a big ... at our house.

- a. celebration b. contest c. competition d. musical show

2. I love watching film at the ...

- a. stadium b. cinema c. school d. hospital

3. My mother and my father ... speaking English very well

- a. is b. are c. am d. be

4. My mother is making a ... for me.

- a. a birthday card b. birthday card c. birthday party d. birthday card

5. I usually go to school at ...

- a. 6.00 a.m. b. 6.30 a.m. c. 7.00 a.m. d. 7.30 a.m.

6. I am not happy because my test is ...

- a. good b. excellent c. bad d. perfect

7. My father usually meets famous people because he is a ...

- a. teacher b. journalist c. farmer d. worker

8. How many ... are there in Vietnam?

- a. seasons b. kitchens c. fictions d. reasons

9. Tam and Mary ... having lunch together.

- a. want to b. wanting c. are d. being

10. This is my new ... Her name is Giang.

- a. friend b. teacher c. guess d. manager

TEST

B

Exercise 1: Match each picture with a suitable word/ phrase.
(Nối từ/ cụm từ với tranh phù hợp).

	PICTURE		WORD/ PHRASE
1		a	glass
2		b	piano

3



c

thunder

4



d

books

5



e

pig

6



f

women

7



g

student

8



h

listening to music

9



i

newspaper

10



j

reading book

Your answer

1.	2.	3.	4.	5.
6.	7.	8.	9.	10.

Exercise 2: Put missing letters or a word to complete these sentences.
(Điền chữ cái hoặc từ còn thiếu để hoàn thành các câu)

1. How dirty the room _ _!
2. Would you like to come to my house _ _ _ dinner?
3. The box is full _ _ chocolates and sweets.
4. He often _ _ _ _ _ badminton in the afternoon.
5. My mother likes _ _ _ _ _ to work by bike.

Exercise 3: Reorder the words/phrases to make complete sentences.
(Sắp xếp lại từ hoặc cụm từ để tạo thành câu hoàn chỉnh)

1. waiting/ They're/ circus./ of the/ in front/ us

2. is/ difficult/ Maths/ subject./ a

3. smartphones./ have/ I/ don't/ my friends/ and

4. singing/ my son./ is/ The boy/ on/ the stage

5. My friends/ go/ shopping/ this market./ at/ usually

6. don't/ I/ football/ with/ him/ now./ to play/ want

7. The park/ is not/ their house./ near

8. your pencil?/ colour/ is/ What

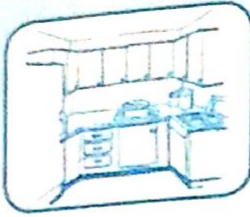
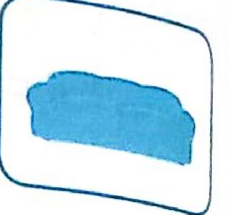
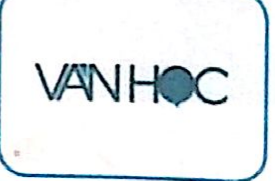
9. My uncle/ often listens/ to/ news/ in/ freetime./his

10. well./ Linh and Linda/ play/ music/ In my class,

Exercise 4: Listen and choose what you hear
(Nghe và chọn phương án em nghe thấy).



	FIRST CHOICE (A)	SECOND CHOICE (B)	THIRD CHOICE (C)	FOURTH CHOICE (D)
1				
2				
3				
4				
5				

6				
7				
8				
9				
10				



ROUND 13

TEST

A

Exercise 1: Choose the correct answer. (Chọn đáp án đúng).

1. There are ... boys in our class.

- a. no b. not c. none d. no of

2. Our English lessons are ... long.

- a. many b. much c. a lot of d. very

3. I am having a toothache. I am going to see my...

- a. dentist b. teacher c. nurse d. worker

4. Lan is a hard-working student. She ... to work about 45 hours a week.

- a. have b. has c. do d. does

5. My brother's favourite sport is table ...

- a. baseball b. footballer c. basketball d. tennis

Exercise 2: Put missing letters or a word to complete these sentences.
(Điền chữ cái hoặc từ còn thiếu để hoàn thành các câu sau).

1. _____ is your father's factory? – It's on Pham Van Dong street.

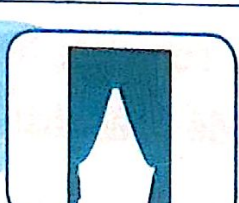
2. Remember to drink water everyday. It's good ____ our health.

3. W__ did you meet? – Some famous musicians.

4. I'm Vietnamese. _____ is your nationality?

5. _____ you very much for helping me with my housework.
6. My uncle has to work hard from 5 in the morning __ 7 in the evening.
7. There were a ____ of teachers and students at the celebration.
8. What do you do __ your free time?
9. What d __ you do at the Festival last week?
10. _____ you at Ha Long Bay last weekend?

Exercise 3: Match each picture with a suitable word/phrase.
(Nối tranh với từ/ cụm từ phù hợp).

	PICTURE		WORD/ PHRASE
1		a	fifty
2		b	blouse
3		c	lamp
4		d	play round
5		e	smoke

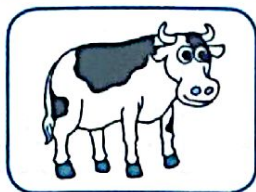
6



f

curtain

7



g

wedding dress

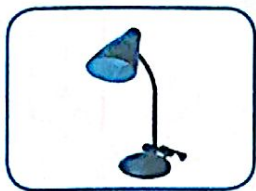
8



h

cow

9



i

cook lunch

10



j

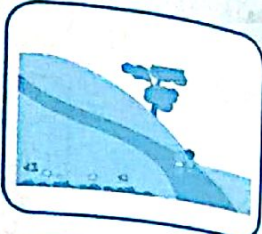
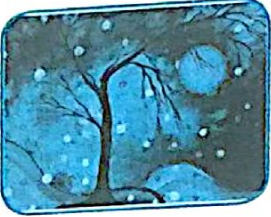
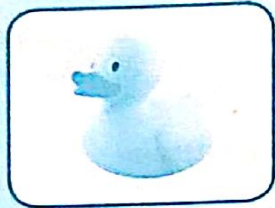
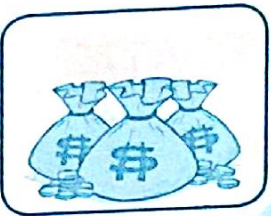
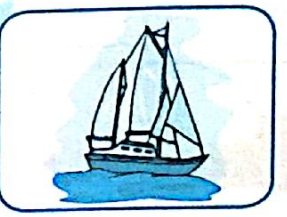
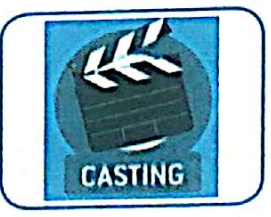
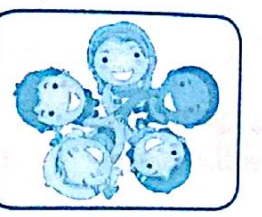
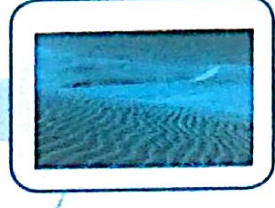
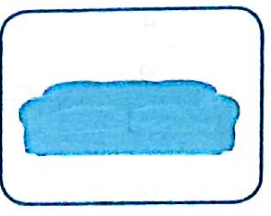
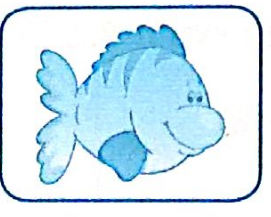
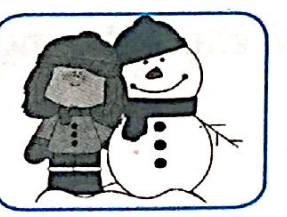
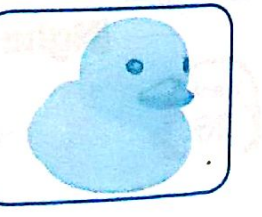
tiger

Your answer

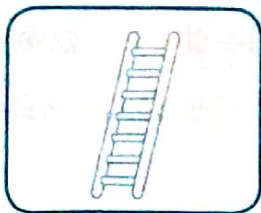
1.	2.	3.	4.	5.
6.	7.	8.	9.	10.

Exercise 4: Listen and choose what you hear
(Nghe và chọn phương án em nghe thấy).



	FIRST CHOICE (A)	SECOND CHOICE (B)	THIRD CHOICE (C)	FOURTH CHOICE (D)
1				
2				
3				
4				
5				
6				
7				

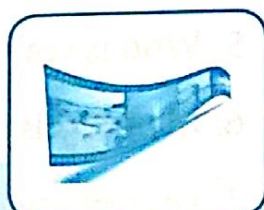
8



9



10



TEST

B

Exercise 1: Choose the correct answer. (Chọn đáp án đúng).

1. Choose the word that has the underlined part pronounced differently.

- a. hour b. house c. hen d. hot

2. When is your birthday? – It's on ...

- a. the September 8th c. September of 8th
b. September 8th d. 8th of September

3. Nam plays ... every afternoon.

- a. televison b. music c. volleyball d. homework

4. You can borrow books from the ...

- a. post office b. coffee c. hospital d. library

5. Choose the word that has the underlined part pronounced differently.

- a. bread b. meat c. please d. team

Exercise 2: Put missing letters or words to complete these sentences.
(Điền chữ cái hoặc từ còn thiếu để hoàn thành các câu sau).

1. Where _ _ _ _ you yesterday?
2. I like music and books _ _ _ _ much.
3. Please have a look _ _ my new bike. It's very nice.
4. He lives in a big house _ _ _ _ his family in Chicago.
5. Who is waiting _ _ _ you?
6. My friends are playing _ _ _ _ _ tennis with me.
7. I'm twenty five _ _ _ _ _ old and I'm a student.
8. There is a picture _ _ Uncle Ho on the wall.
9. My mother is nice _ _ everyone.
10. What would you like _ _ _ dinner?

Exercise 3: Match each picture with a suitable word/phrase.
(Nối tranh với từ/ cụm từ phù hợp).

PICTURE	WORD/ PHRASE
1 	a <i>play table tennis</i>
2 	b <i>cook lunch</i>

3



c

clothing store

4



d

letters

5



e

rice cooker

6



f

play ground

7



g

theatre

8



h

carrots

9



i

baby

10



j

windy

Your answer

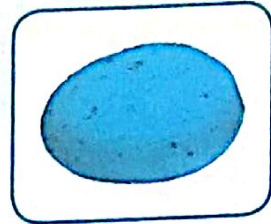
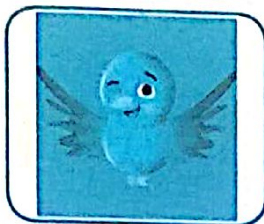
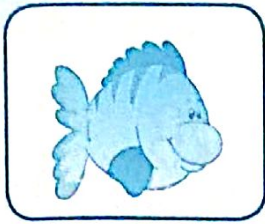
1.	2.	3.	4.	5.
6.	7.	8.	9.	10.

Exercise 4: Listen and choose what you hear
(Nghe và chọn phương án em nghe thấy).



	FIRST CHOICE (A)	SECOND CHOICE (B)	THIRD CHOICE (C)	FOURTH CHOICE (D)
1				
2				
3				
4				
5				

6



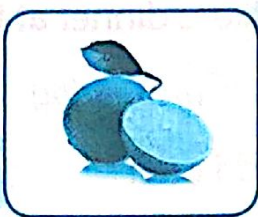
7



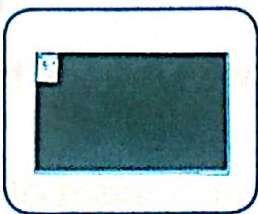
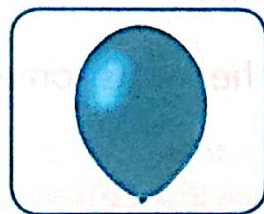
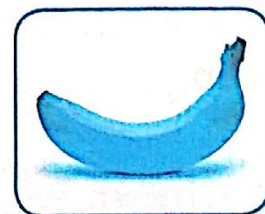
8



9



10



ROUND 14

TEST

A

Exercise 1: Choose the correct answer. (Chọn đáp án đúng).

1. Children ... play football on the streets.

- a. can't b. have to c. should d. shouldn't*

2. Mrs and Mr Pike ... dinner at the moment.

- a. is having b. are having c. are eating d. b & c are correct*

3. Choose the odd one:

- a. late b. work c. easy d. lazy*

4. Peter doesn't want ... eggs, but he wants some soup.

- a. some b. any c. many d. much*

5. Choose the odd one:

- a. sing b. draw c. play d. yesterday*

6. I ... a bad cold and headache yesterday.

- a. was b. had c. held d. did*

7. ... you study English a lot?

- a. Does b. Are c. Do d. Is*

8. Choose the odd one:

- a. am b. is c. are d. an*

9. Choose the word that has the underlined part pronounced differently.

- a. student b. bus c. uncle d. summer

10. We love playing football ... lot

- a. the b. a c. an d. this

Exercise 2: Pick out one redundant letter to make correct word.
(Bỏ một chữ cái thừa để có từ đúng).

1. WOURD
2. PARENETS
3. HOBNEY
4. PLAY GROUNDL
5. COAMplete
6. SUMDMER
7. HEADACHED
8. YESTEDRDAY
9. VOLLEGYBALL
10. TEACHHER

Exercise 3: Reorder the words/phrases to make complete sentences.
(Sắp xếp lại từ hoặc cụm từ để tạo thành câu hoàn chỉnh).

1. how/ She/ didn't/ to dance/ know

2. your sister/ home?/ does/ What time/ come back

3. every meal./ eat/ chicken/ I/ for

4. beaches./ Vietnam/ has/ a lot of/ beautiful

5. everything./ supermarket/The/ new/ has

6. in the morning./ gets up/ at 6 o'clock/ often/ My mother

7. go swimming/ in/ your village?/ we/ Can

8. tall/ to some/ trees./ The store/ is next

9. evening classes/ go to/ everyday?/ Do you

10. work/ goes to/ He/ sometimes/ on foot.

Exercise 4: Listen and choose what you hear
(Nghe và chọn phương án em nghe thấy).



1.

a. When do you play volleyball?

b. When do you say "volleyball"?

c. When do you play football?

d. When do you say "football"?

2.

a. How was the Mid-Winter Festival?

b. How was the Mid-Spring Festival?

c. How was the Mid-Autumn Festival?

d. How was the Mid-Summer Festival?

3.
 - a. Do you want some bread?
 - b. Do you want some cakes?
 - c. Do you want some drinks?
 - d. Do you want some eggs?
4.
 - a. Are you free on Monday morning?
 - b. Are you free on Sunday morning?
 - c. Are you free on Tuesday morning?
 - d. Are you free on Friday morning?
5.
 - a. Jennifer is often online to chat with her pen friends.
 - b. Jennifer is often online to chat with her friends.
 - c. Jennifer is often online to chat with her close friends.
 - d. Jennifer is often online to chat with her old friends.
6.
 - a. How often do you go swimming?
 - b. How often do you go singing?
 - c. How often do you go fishing?
 - d. How often do you go shopping?
7.
 - a. Sometimes, she goes to bed late.
 - b. Sometimes, she comes to bed late.
 - c. Sometimes, she goes to bed lately.
 - d. Sometimes, she comes to bed lately.
8.
 - a. Can you find a bike?

- b. Can you buy a bike?
c. Can you like a bike?
d. Can you buy a bike?
- 9.
- a. Jane doesn't go swimming on Sunday.
b. Jane doesn't go fishing on Sunday.
c. Jane doesn't go swimming on Monday.
d. Jane doesn't go fishing on Monday.
- 10.
- a. He sang these songs in his birthday party.
b. He sang free songs in his birthday party.
c. He sang twenty songs in his birthday party.
d. He sang three songs in his birthday party.

TEST

B

Exercise I: Choose the correct answer. (Chọn đáp án đúng).

1. There are clouds.
a. look b. many c. cloudy d. watch
2. sports do you play?
a. What b. Who c. Which d. When
3.? – Pink.
a. What colour do you like? b. What colour you do like
c. What colour you like d. What colour are you like
4. What do you have on your desk?
a. He has a notebook b. Lan has a notebook

- c. I have a notebook d. They have some notebooks
5. What's the matter with him?
a. He's sick. b. She's sick. c. I'm sick. d. She's fine.
6. She long hair.
a. have b. does c. has d. do
7. Mary to the music now.
a. listens b. listen c. is listening d. listening
8. ... collecting the empty bottles? – Yes, that is a good idea.
a. Let's b. What c. What about d. Why don't we
9. His house is ... to my house
a. behind b. in front c. next d. near
10. Choose the word that has the underlined part pronounced differently.
a. end b. begin c. bed d. every

Exercise 2: Pick out one redundant letter to make correct word.
[Bỏ một chữ cái thừa để có từ đúng].

1. STAPTION
2. MATACH
3. ROSPE
4. DRISVER
5. WOURD
6. MEMOBER
7. PAPUER
8. LASET
9. PICANIC
10. BORAT

Exercise 3: Reorder the words/phrases to make complete sentences.
(Sắp xếp lại từ hoặc cụm từ để tạo thành câu hoàn chỉnh).

1. at the school's/ do their/ homework/ They often/ library.

2. her/ Mary's parents/ don't let/ night./out/ at/ go

3. you/ languages/ do/ speak?/ What

4. about?/ talking/ they/ are/ What

5. How many/ have?/ your house/ does/ floors

6. the/ Festival?/ was/ How

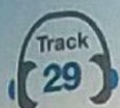
7. There are/ birthday party./ lots of/ cakes and sweets/ in her

8. weekend?/ you/ were/ Where/ last

9. in Singapore./ tells us/ all about/ his holiday/ Mark

10. have/ did/ the celebrations?/ When/ They

Exercise 4: Listen and choose what you hear
(Nghe và chọn phương án em nghe thấy).



1.

- a. They are learning to sing.
- b. They are learning to dance.
- c. They are learning to drive.
- d. They are learning to swim.

2.

- a. When do you play chess?
- b. When do you say chess?
- c. When do you stay chess?
- d. When do you play Chinese chess?

3.

- a. I can ride a bike.
- b. I can ride a kite.
- c. I can fly a kite.
- d. I can fly a bike.

4.

- a. My father doesn't go swimming on Sunday.
- b. My mother doesn't go swimming on Sunday.
- c. My brother doesn't go swimming on Sunday.
- d. My sister doesn't go swimming on Sunday.

5.

- a. There were flowers everyday.
- b. There were flowers overthere.
- c. There were flowers anywhere.

- d. There were flowers everywhere.
- 6.
- a. My friends always go to school by bike.
 - b. My friends always go to school by bus.
 - c. My friends always go to school on foot.
 - d. My friends always go to school by plane.
- 7.
- a. Is your mother free on Sunday?
 - b. Is your mother free on Tuesday?
 - c. Is your mother free on Wednesday?
 - d. Is your mother free on Friday?
- 8.
- a. How can I hate you?
 - b. How can I teach you?
 - c. How can I help you?
 - d. How can I hear you?
- 9.
- a. I'd like to have chicken.
 - b. I'd like to have some chicken.
 - c. I'd like to have one chicken.
 - d. I don't like chicken.
- 10.
- a. Do you want to go to the cinema with me?
 - b. Do you want to go to the museum with me?
 - c. Do you want to go to the theatre with me?
 - d. Do you want to go to the stadium with me?

ROUND 15

TEST

A

Exercise 1: Choose the correct answer. (Chọn đáp án đúng).

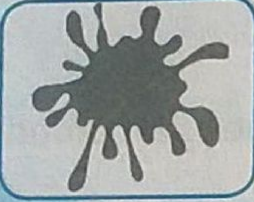
1. Janice and ... like going shopping on Sunday.
 a. *me* b. *I* c. *my* d. *mine*
2. Choose the word that has the underlined part pronounced differently.
 a. *like* b. *morning* c. *thing* d. *swimming*
3.? – She speaks French.
 a. *Which language does she speaks*
 b. *Which language is she speak*
 c. *Which language can she speak*
 d. *Which language she speak*
4. Choose the word that has the underlined part pronounced differently.
 a. *cleans* b. *helps* c. *lives* d. *plays*

Exercise 2: Put a missing letter to complete these words.
 (Điền chữ cái còn thiếu để hoàn thành các từ sau).

1. HE_RT
2. _EEKEND
3. A_TIVITY
4. HO_IDAY
5. NATIO_ALITY

6. CL_B
7. SINGAPOR_AN
8. PU_PLE
9. H_USE
10. EX_MPLE

Exercise 3: Match each picture with a suitable word/phrase.
(Nối từ/ cụm từ với tranh phù hợp).

	PICTURE		WORD/ PHRASE
1		a	<i>frog</i>
2		b	<i>milk</i>
3		c	<i>butter</i>
4		d	<i>hens</i>
5		e	<i>singers</i>
6		f	<i>paint the wall</i>

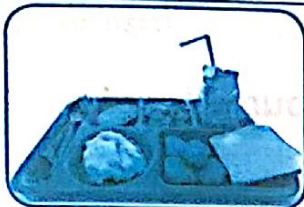
7



g

curtain

8



h

bottles

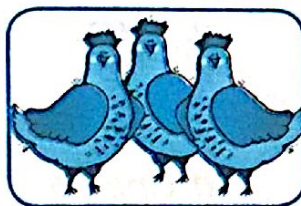
9



i

monkey

10



j

have breakfast

Your answer

1.	2.	3.	4.	5.
6.	7.	8.	9.	10.

Exercise 4: Listen and choose what you hear
(Nghe và chọn phương án em nghe thấy).



1. Her mothers ... her to school at 6 a.m.

a. takes

b. makes

c. flag

d. wake

2. Why did you ... at the boy?

a. talk

b. laugh

c. walk

d. step

3. Look! It's going to rain. Please take a ... along.

- a. umbrella b. coat c. raincoat d. hat

4. Her father took a ... to Hawaii last week.

- a. ship b. coach c. boat d. trip

5. She doesn't like to ... beef to her hamburger.

- a. insert b. put c. add d. get

6. Mr John ... for IBM in America.

- a. watches b. gets c. works d. walks

7. What time does she usually ... up?

- a. wake b. take c. get d. sleep

8. My baby loves to watch plays in the ...

- a. centre b. theatre c. station d. cinema

9. Students are going on an ... to Hyde park.

- a. exercise b. amazement c. excursion d. excitement

10. He is drinking ... in the cafe now.

- a. water b. juice c. coke d. coffee

TEST

B

Exercise 1: Choose the correct answer. (Chọn đáp án đúng).

1. Do you like pop music?

- a. I would. b. Yes, a lot. c. No, I like it. d. Yes, we are.

2. Choose the word that has the underlined part pronounced differently.

a. how b. know c. brown d. cow

3. Choose the word that has the underlined part pronounced differently.

a. put b. sun c. fun d. brush

4. Choose the word that has the underlined part pronounced differently.

a. bowl b. comb c. book d. beef

Exercise 2: Put a missing letter to complete these words.

[Điền chữ cái còn thiếu để hoàn thành các từ sau].

1. EN_OY

2. COU_IN

3. B_OUSE

4. MOU_E

5. CONC_RT

6. BE_IND

7. PI_NO

8. GR_AT

9. FI_GER

10. VIETNAME_E

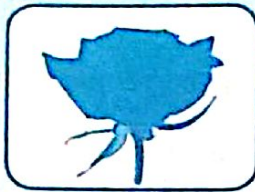


Exercise 3: Match each picture with a suitable word/phrase.

[Nối tranh với từ/ cụm từ phù hợp].

	PICTURE		WORD/ PHRASE
1		a	student
2		b	take a photo

3



c

leaf

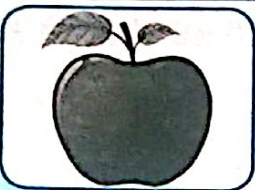
4



d

sun glasses

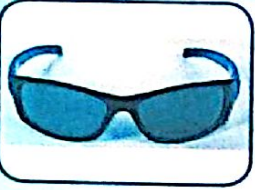
5



e

flowers

6



f

grass

7



g

bear

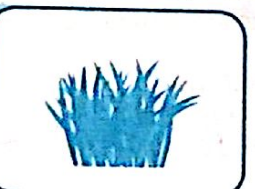
8



h

jeans

9



i

vegetable

10



j

apple

Your answer

1.	2.	3.	4.	5.
6.	7.	8.	9.	10.

Exercise 4: Listen and choose what you hear
 (Nghe và chọn phương án em nghe thấy).



- He is ... coke in the cafe now.
 a. drink b. drinking c. eat d. eating
- ... to meet you!
 a. Nice b. Nine c. Fine d. Happy
- What are you looking ...?
 a. now b. about c. for d. door
- What time do you usually ...?
 a. wake up b. gets up c. get up d. wakes up
- I ... you have a nice day.
 a. hope b. wish c. believe d. keep
- My sister likes watching film in the ...
 a. house b. cinema c. stadium d. theatre
- There are many kinds of fruits on the ...
 a. table b. desk c. tables d. desks
- They go to school by ... everyday.
 a. cyclo b. motorcycle c. bike d. plane
- What ... of flowers did they prepare for the festival?
 a. kind b. size c. color d. type
- The ... began 2 hours ago.
 a. rain b. train c. flight d. bus

ROUND 16

TEST

A

Exercise 1: Pick out one redundant letter to make correct word.
(Bỏ một chữ cái thừa để có từ đúng).

1. PAKPER
2. MIKCE
3. MUILK
4. GRAIN
5. MATCAH
6. FOOSD
7. RWOUND
8. RABOBIT
9. FINHGER
10. BAELOON

Exercise 2: Put missing letters or a word to complete these sentences.
(Điền chữ cái hoặc từ còn thiếu để hoàn thành các câu sau).

1. They are rich __ they don't have to work hard.
2. I can't do anything more. I ____ a lot of work today.
3. There isn't ___ water in the bottle. We are very thirsty.
4. Are you having an English lesson? – No, I am ____
5. I don't want much sugar __ my coffee.

Exercise 3: Reorder the words/phrases to make complete sentences.
(Sắp xếp lại từ hoặc cụm từ để tạo thành câu hoàn chỉnh).

1. good/ Everyone/ time./ had/ a

2. help Mom/ Who is/ clean/ the window?/ going to

3. do/ they/ usually/ What time/ have breakfast?

4. little brother's/ birthday/ on/ May 16th?/ Is your

5. Is the man/ over there/ your sister's/ husband?

6. to wear/ Do/ we have/ on Monday?/ uniforms

7. do/ language/ they/ speak?/ What

8. and milk/ Her family/ often has/ for breakfast./ bread

9. writing/ a letter/ She is/ her friend./ to

10. colour/ that/ is/ blouse?/ What

Exercise 4: Listen and choose what you hear

(Nghe và chọn phương án em nghe thấy).



1.

a. I'm reading an amazing book about staffs.

b. I'm reading an amazing book about scarfs.

- c. I'm reading an amazing book about stars.
d. I'm reading an amazing book about dwarfs.
- 2.
- a. My niece can sing and dance beautifully.
b. My new doll can sing and dance beautifully.
c. My nephew can sing and dance beautifully.
d. My nephew can sing and dance gracefully.
- 3.
- a. How do you play exercise in the morning?
b. How long do you play exercise in the morning?
c. How often do you do morning exercise?
d. How usually do you play exercise in the morning?
- 4.
- a. My books are on the table.
b. My boxes are on the table.
c. My bags are on the table.
d. My notebooks are on the table.
- 5.
- a. What are you going to like for Christmas?
b. What are you going to buy for Christmas?
c. What are you going to sale for Christmas?
d. What are you going to play for Christmas?
- 6.
- a. There were a lot of passengers there.
b. There were a lot of teachers there.
c. There were a lot of customers there.
d. There were a lot of sailors there.

- 7.
- a. Was Jean twenty years old last year?
 - b. Was Jean ten years old last year?
 - c. Was Jean twelve years old last year?
 - d. Was Jean twenty years old last month?

- 8.
- a. Her son is a doctor.
 - b. Her boy is a doctor.
 - c. Her man is a doctor.
 - d. Her son is a driver.

- 9.
- a. Mary plays cards very well.
 - b. Mary plays hookey very well.
 - c. Mary plays rugby very well.
 - d. Mary plays doll very well.

- 10.
- a. Johny should take some aspirines.
 - b. Johny should take some apple juice.
 - c. Johny should take some fruits.
 - d. Johny should take some orange juice.

TEST

B

Exercise I: Pick out one redundant letter to make correct word.
[Bỏ một chữ cái thừa để có từ đúng].

1. MUSKIC
2. BAELOON
3. TEAJCHER
4. STADEIUM
5. SAND CASSTLE
6. RAINBEOW
7. KITCHEAN
8. PAPEER
9. FOOTBALLERR
10. MONAKEY

Exercise 2: Put missing letters or a word to complete these sentences.
(Điền chữ cái hoặc từ còn thiếu để hoàn thành các câu sau).

1. How ____ Sundays are there in a month?
2. There are ____ "T" in the word "PRETTY"
3. Who is Jane waiting ____ at the school gate?
4. They are having dinner in the kitchen ____ present.
5. ____ they going to stay home tonight?

Exercise 3: Reorder the words/phrases to make complete sentences.
(Sắp xếp lại từ hoặc cụm từ để tạo thành câu hoàn chỉnh).

1. My friends/ good/ had/ time./ a

2. the house?/ going to/ clean/ who is

3. dinner?/ do/ you/ often/ What time/ have

4. is/ birthday?/ when/ your

5. the man/ overthere?/ is/ who/ standing

6. maths/ have/ We/ Monday/ Tuesday./ and/ on

7. What/ are/ speaking?/ languages/ they

8. I/ milk/ breakfast./ for/ usually/ have/ and bread

9. My sister/ a letter/ is/ writing/ her pen friends./ to

10. What colour/ that/ hat?/ is

Exercise 4: Listen and choose what you hear

[Nghe và chọn phương án em nghe thấy]. (track 33)



1.

- a. She looks very lovely in that dress.
- b. She looks so lovely in that dress.
- c. She looks too lovely in that dress.
- d. She looks really lovely in that dress.

2.

- a. My father is a doctor.

b. My father is a farmer.

c. My father is a pilot.

d. My father is a driver.

3.

a. What kind of food do you like?

b. What kind of fruits do you like?

c. What kind of bread do you like?

d. What kind of milk do you like?

4.

a. He has a sorethroat today.

b. He has a painthroat today.

c. He has a small throat today.

d. He has a strong throat today.

5.

a. John should take some tablets.

b. John should take some aspirins.

c. John should take some medicine.

d. John should take some oranges.

6.

a. My mother can cook very well.

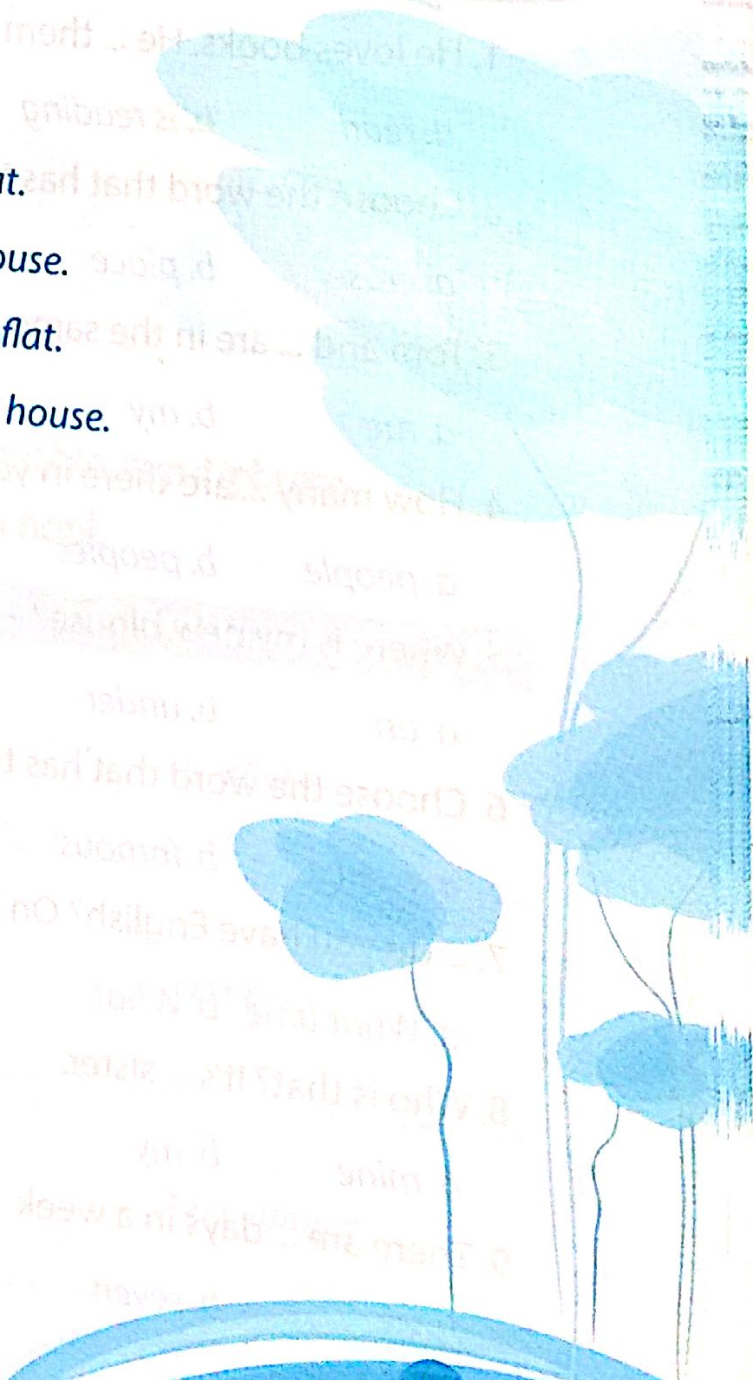
b. My mother can look very well.

c. My father can cook very well.

d. My father can look very well.

7.

- a. Can you show me the road to the post office?
b. Can you show me the way to the post office?
c. Can you show me the direction to the post office?
d. Can you show me to the post office?
- 8.
- a. She was a teacher before.
b. She was a doctor before.
c. She was a worker before.
d. She was a dentist before.
- 9.
- a. There are flowers everyday in the flat.
b. There are flowers everyday in the house.
c. There are flowers everywhere in the flat.
d. There are flowers everywhere in the house.
- 10.
- a. I need some milk for my sister.
b. I need some milk for my teacher.
c. I need some milk for my brother.
d. I need some milk for my doctor.



ROUND 17

TEST

A

Exercise 1: Choose the correct answer. [Chọn đáp án đúng].

1. He loves books. He ... them every day.
a. read b. is reading c. reads d. readed
2. Choose the word that has the underlined part pronounced differently.
a. eraser b. place c. are d. name
3. Tom and ... are in the same class.
a. me b. my c. I d. mine
4. How many ... are there in your family?
a. people b. peoples c. students d. teachers
5. Where is my new blouse? – It's ... your room.
a. on b. under c. in d. above
6. Choose the word that has the underlined part pronounced differently.
a. candle b. famous c. wake d. paper
7. ... do you have English? On Monday and Friday.
a. What time b. What c. When d. Where
8. Who is that? It's ... sister.
a. mine b. my c. I d. me
9. There are ... days in a week.
a. six b. seven c. eight d. nine

10. My father has a big ...

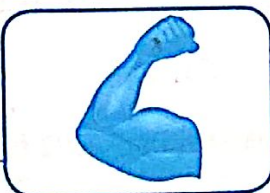
- a. food b. milk c. money d. dog

Exercise 2: Put a missing letter to complete these words.
(Điền chữ cái còn thiếu để hoàn thành các từ sau).

1. M_UTH
2. SIC_NESS
3. ANI_AL
4. TH_OAT
5. CONC_RT
6. LIB_ARY
7. PO_TMAN
8. GUE_S
9. BET_ER
10. C_ECK



Exercise 3: Match each picture with a suitable word/phrase.
(Nối tranh với từ/ cụm từ phù hợp).

	PICTURE		WORD/ PHRASE
1		a	arm
2		b	monkey
3		c	have dinner

TUYỂN TẬP ĐỀ THI VIOLYMPIC TIẾNG ANH LỚP 5 (TẬP 1)

4



d

moon

5



e

leaf

6



f

ducks

7



g

two bears

8



h

table tennis

9



i

school bag

10



j

kitchen

Your answer

1.	2.	3.	4.	5.
6.	7.	8.	9.	10.

Exercise 4: Listen and choose what you hear
[Nghe và chọn phương án em nghe thấy].



1. Tom and his family are going to go ... a trip to Hawaii.
a. for b. to c. on d. in
2. Students have to finish their homework ... going to class.
a. for b. after c. before d. in order
3. Mary has very good ...
a. ears b. legs c. hands d. hair
4. A ... can fly.
a. pigeon b. cock c. parrot d. cat
5. You need a ... to clean your teeth.
a. tooth paste b. good place c. good brush d. tooth brush
6. Does Mr. John have a high ...?
a. daughter b. paper c. fever d. ruler
7. What's that? – It's my ...
a. smartphone b. homephone c. telephone d. cellphone
8. You have a serious ... but doctors can cure you.
a. illness b. disease c. fever d. ricket
9. I'm going to take a ...
a. course b. class c. book d. store
10. There is a photo frame on the ...
a. wall b. bench c. desk d. table

TEST

B

Exercise 1: Choose the correct answer. (Chọn đáp án đúng).

1. Classes ... at seven in the morning.
 a. start b. ends c. live d. have
2. Choose the word that has the underlined part pronounced differently.
 a. big b. ride c. high d. drive
3. Our parents are busy all day but they always take care ... us.
 a. at b. in c. of d. for
4. Do you play soccer everyday? ...
 a. Yes, I do b. Yes, I play c. No, I do d. No, I play soccer
5. I am interested in animal. I like reading book ... them.
 a. on b. in c. about d. of
6. Tom and Mary are students but Ann ...
 a. isn't b. are c. is d. aren't
7. Alice is ... school.
 a. late always for b. always late for c. late always to d. always late to
8. Apple juice, soda and ... are drinks.
 a. beef b. chicken c. vegetable d. coke
9. There are ... in my family.
 a. 4 person b. 4 people c. 4 student d. 1 people
10. Choose the word that has the underlined part pronounced differently.
 a. chopsticks b. island c. dish d. cinema

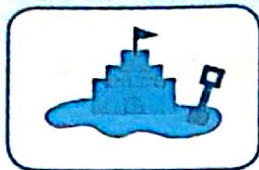
Exercise 2: Put a missing letter to complete these words.
(Điền chữ cái còn thiếu để hoàn thành các từ sau).

- | | |
|--------------|-------------|
| 1. REP_AT | 6. A_RPLANE |
| 2. SHO_LD | 7. BRU_H |
| 3. FACT_RY | 8. CHI_KEN |
| 4. CROSS_ORD | 9. ST_DENT |
| 5. CONC_RT | 10. S_EEP |

Exercise 3: Match each picture with a suitable word/ phrase.
(Nối tranh với từ/ cụm từ phù hợp).

	PICTURE		WORD/ PHRASE
1		a	catch a ball
2		b	have a fever
3		c	toy store
4		d	tissue box
5		e	have a stomachache

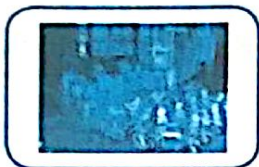
6



f

time

7



g

ship

8



h

garden

9



i

sand castle

10



j

cow

Your answer

1.	2.	3.	4.	5.
6.	7.	8.	9.	10.

Exercise 4: Listen and choose what you hear
(Nghe và chọn phương án em nghe thấy).



1. I need a ... to write.

a. book

b. notebook

c. cooking book

d. facebook

2. She has brown ...

- a. eyes b. smile c. five d. nice

3. Do you have many kinds of ...?

- a. animals b. dogs c. cats d. cows

4. I have ... in my house.

- a. many toys b. many monkeys c. many cats d. many ducks

5. I am worried about my ...

- a. exams b. tests c. farms d. oranges

6. My brother puts an orange on the ...

- a. bench b. chair c. desk d. clock

7. What's this? – This is my ...

- a. toy b. coins c. boy d. coat

8. She has a ... voice.

- a. beautiful b. graceful c. good d. bad

9. You should go to the ... every six months.

- a. optician's b. Paris c. dentist's d. tennis

10. How does Jim ... now?

- a. build b. swim c. film d. feel

KEYS

ROUND 1

TEST A

Exercise 1: Choose the correct answer. (Chọn đáp án đúng).

1. a 2. a 3. a 4. d 5. c
6. b 7. c 8. b 9. a 10. a

Exercise 2: Put a missing letter to complete these words. (Điền chữ cái còn thiếu để hoàn thành các từ sau).

- | | |
|------------|------------|
| 1. CIRCUS | 6. HALF |
| 2. ELEVEN | 7. SUMMARY |
| 3. CHEESE | 8. TODAY |
| 4. SUBJECT | 9. PEACH |
| 5. PAINT | 10. TWELVE |

Exercise 3: Match each picture with a suitable word/phrase. (Nối từ với tranh phù hợp).

1. a 2. e 3. d 4. f 5. b
6. g 7. h 8. i 9. c 10. j

Exercise 4: Listen and choose the correct answer. (Nghe và chọn đáp án đúng).

1. a 2. d 3. d 4. b 5. a
6. c 7. b 8. c 9. c 10. a

TEST B

Exercise 1: Choose the correct answer. (Chọn đáp án đúng).

1. c 2. c 3. b 4. d 5. d
6. a 7. b 8. a 9. d 10. a

Exercise 2: Put a missing letter to complete these words. (Điền chữ cái còn thiếu để hoàn thành các từ sau).

- | | |
|------------|-------------|
| 1. HAIR | 6. DOCTOR |
| 2. TREE | 7. MILK. |
| 3. TEACHER | 8. MUSIC |
| 4. EITHER | 9. COLOUR |
| 5. CLOUD | 10. STADIUM |

Exercise 3: Match each picture with a suitable word/phrase. (Nối tranh với từ / cụm từ phù hợp).

1. h 2. a 3. b 4. e 5. j
6. i 7. d 8. c 9. g 10. f

Exercise 4: Listen and choose the correct answer. (Nghe và chọn đáp án đúng).

1. b 2. d 3. c 4. a 5. b
6. c 7. a 8. a 9. c 10. d

ROUND 2

TEST A

Exercise 1: Put missing letters or a word to complete these sentences. (Điền chữ cái hoặc từ còn thiếu để hoàn thành các câu sau).

1. ou 2. are 3. is 4. is 5. What
6. Do 7. do 8. very 9. oes 10. what

Exercise 2: Reorder the words/phrases to make complete sentences. (Sắp xếp lại từ hoặc cụm từ để tạo thành câu hoàn chỉnh).

1. Would you like some milk?
2. What time do you get up?
3. What is the matter with you?
4. What color are your eyes?
5. How are you?
6. Lan would like a hamburger.
7. Nga is doing English exercises.
8. I am from Hanoi.
9. Who is that?
10. I am from Vietnam.

Exercise 3: Pick out one redundant letter to make correct word.
(Bỏ một chữ cái thừa để có từ đúng).

- | | |
|-------------|------------|
| 1. TIREDE | 6. WORREY |
| 2. FAEST | 7. LESTTER |
| 3. BROOTHER | 8. RIGHET |
| 4. REDA | 9. ANSHWER |
| 5. CHINEMA | 10. REAOD |

Exercise 4: Listen and choose the correct answer. (Nghe và chọn đáp án đúng).

- | | | | | |
|------|------|------|------|-------|
| 1. a | 2. d | 3. b | 4. d | 5. a |
| 6. c | 7. c | 8. c | 9. d | 10. c |

TEST B

Exercise 1: Put missing letters or a word to complete these sentences. (Điền chữ cái hoặc từ còn thiếu để hoàn thành các câu sau).

- | | | | | |
|--------|-------|--------|-------|---------|
| 1. oes | 2. to | 3. are | 4. do | 5. does |
| 6. a | 7. on | 8. for | 9. at | 10. on |

Exercise 2: Reorder the words/phrases to make complete sentences. (Sắp xếp lại từ hoặc cụm từ để tạo thành câu hoàn chỉnh).

1. Let's meet in front of the movie theatre.
2. That is an orange.
3. I usually go to school by bike.
4. I am from Hanoi.
5. What is your job?
6. What is her name?
7. Do you like music?
8. Are they teachers?
9. English is her favourite subject.
10. What subject does Jane like?

Exercise 3: Pick out one redundant letter to make correct word. (Bỏ một chữ cái thừa để có từ đúng).

- | | |
|-------------|-------------|
| 1. FACTSORY | 6. LISTTEN |
| 2. ENGLISH | 7. MEMMBER |
| 3. SLEOW | 8. NIEGHT |
| 4. SKLEEP | 9. LOVEE |
| 5. WEASTHER | 10. BEFORTE |

Exercise 4: Listen and choose the correct answer. (Nghe và chọn đáp án đúng).

- | | | | | |
|------|------|------|------|-------|
| 1. a | 2. d | 3. a | 4. b | 5. c |
| 6. a | 7. d | 8. b | 9. a | 10. c |

ROUND 3

TEST A

Exercise 1: Match each picture with a suitable word/phrase. (Nối tranh với từ/cụm từ thích hợp).

1. c 2. e 3. f 4. i 5. j
6. h 7. g 8. a 9. d 10. b

Exercise 2: Put a missing letter to complete these words. (Điền chữ cái còn thiếu để hoàn thành các từ sau).

- | | | |
|-----------|-------------|-------------|
| 1. RIGHT | 5. BEACH | 9. VILLAGE |
| 2. AUTUMN | 6. TROUSERS | 10. COUNTRY |
| 3. TWIN | 7. JOURNEY | |
| 4. BOOK | 8. CITY | |

Exercise 3: Choose the correct answer. (Chọn đáp án đúng).

1. a 2. b 3. a 4. c 5. b
6. a 7. c 8. b 9. a 10. a

Exercise 4: Listen and choose the correct answer. (Nghe và chọn đáp án đúng).

1. b 2. c 3. b 4. a 5. a
6. d 7. b 8. d 9. b 10. d

TEST B

Exercise 1: Match each picture with a suitable word/phrase. (Nối tranh với từ/cụm từ phù hợp).

1. a 2. b 3. e 4. g 5. j
6. d 7. c 8. i 9. f 10. h

Exercise 2: Put a missing letter to complete these words. (Điền chữ cái còn thiếu để hoàn thành các từ sau).

1. THINK

5. FIFTH

9. JAPAN

2. NUMBER

6. DIFFICULT

10. PHOTO

3. MISS

7. BEDROOM

4. PARTY

8. COMPANY

Exercise 3: Choose the correct answer. (Chọn đáp án đúng).

1. a 2. c 3. a 4. a 5. c

6. d 7. c 8. c 9. a 10. d

Exercise 4: Listen and choose the correct answer. (Nghe và chọn đáp án đúng).

1. c 2. a 3. b 4. a 5. a

6. c 7. d 8. a 9. c 10. d

ROUND 4

TEST A

Exercise 1: Put missing letters or a word to complete these sentences. (Điền chữ cái hoặc từ còn thiếu để hoàn thành các câu sau).

1. OLD 2. AC 3. U 4. IMS 5. ING

6. ME 7. OL 8. ING 9. NGE 10. ALK

Exercise 2: Reorder the words/phrases to make complete sentences. (Sắp xếp lại từ hoặc cụm từ để tạo thành câu hoàn chỉnh).

1. Miss Kate is pretty.

2. I can dance but I can't swim.

3. How often do you play football?

4. Does he have two daughters?

5. Does Ann always go to Church on Sunday?

6. Is this your walkman?
7. There are ten erasers in my bag.
8. Our National Day is September 2nd.
9. Open your book, please.
10. May I go out?

Exercise 3: Pick out one redundant letter to make correct word. (Bỏ một chữ cái thừa để có từ đúng).

- | | | |
|--------------|-------------|-------------|
| 1. SOUNG | 5. TRESE | 9. CLOSSE |
| 2. WOROKBOOK | 6. BICYACLE | 10. FRIEDAY |
| 3. SPEASK | 7. SPRIENG | |
| 4. UART | 8. PLABTE | |

Exercise 4: Listen and choose the correct answer. (Nghe và chọn đáp án đúng).

- | | | | | |
|------|------|------|------|-------|
| 1. b | 2. d | 3. c | 4. a | 5. d |
| 6. c | 7. a | 8. b | 9. c | 10. a |

TEST B

Exercise 1: Put missing letters or a word to complete these sentences. (Điền chữ cái hoặc từ còn thiếu để hoàn thành các câu sau).

- | | | | | |
|-------|--------|-------|---------|-------------|
| 1. IN | 2. AY | 3. ON | 4. DOWN | 5. IS |
| 6. ON | 7. AND | 8. IS | 9. THEY | 10. IRTHDAY |

Exercise 2: Reorder the words/phrases to make complete sentences. (Sắp xếp lại từ hoặc cụm từ để tạo thành câu hoàn chỉnh).

1. Was she at school yesterday?
2. People speak English all over the world.
3. Where is my bag?
4. Does Minh want a cup of tea?
5. The clock is on the wall.

6. Today is June 6th.
7. He wants an orange.
8. He likes to work in the garden.
9. Is Mrs Hoa a shopkeeper?
10. What is the date today?

Exercise 3: Pick out one redundant letter to make correct word. (Bỏ một chữ cái thừa để có từ đúng).

- | | |
|-----------|------------|
| 1. LIGHET | 6. GROSUP |
| 2. SHIOE | 7. ONELY |
| 3. OSTHER | 8. DAED |
| 4. AUGAIN | 9. GLASTS |
| 5. HEASR | 10. PIANNO |

Exercise 4: Listen and choose the correct answer. (Nghe và chọn đáp án đúng).

- | | | | | |
|------|------|------|------|-------|
| 1. c | 2. d | 3. c | 4. a | 5. b |
| 6. c | 7. a | 8. a | 9. c | 10. d |

ROUND 5

TEST A

Exercise 1: Choose the correct answer. (Chọn đáp án đúng).

- | | | | | |
|------|------|------|------|-------|
| 1. b | 2. a | 3. a | 4. b | 5. a |
| 6. a | 7. b | 8. a | 9. d | 10. b |

Exercise 2: Match each picture with a suitable word/phrase. (Nối tranh với từ/cụm từ thích hợp).

- | | | | | |
|------|------|------|------|-------|
| 1. c | 2. f | 3. g | 4. a | 5. h |
| 6. i | 7. b | 8. e | 9. j | 10. d |

Exercise 3: Put a missing letter to complete these words. (Điền chữ cái còn thiếu để hoàn thành các từ sau).

- | | |
|------------|-----------|
| 1. MEAT | 6. NOODLE |
| 2. COUSIN | 7. SOCCER |
| 3. PUZZLE | 8. COUNT |
| 4. DOLL | 9. OBJECT |
| 5. WEATHER | 10. POOR |

Exercise 4: Listen and choose the correct answer. (Nghe và chọn đáp án đúng).

- | | | | | |
|------|------|------|------|-------|
| 1. a | 2. a | 3. a | 4. b | 5. a |
| 6. c | 7. b | 8. d | 9. c | 10. a |

TEST B

Exercise 1: Choose the correct answer. (Chọn đáp án đúng).

- | | | | | |
|------|------|------|------|------|
| 1. d | 2. a | 3. b | 4. a | 5. a |
| 6. d | 7. c | 8. a | 9. c | |

Exercise 2: Match each picture with a suitable word/phrase. (Nối tranh với từ/cụm từ thích hợp).

- | | | | | |
|------|------|------|------|-------|
| 1. f | 2. a | 3. b | 4. c | 5. i |
| 6. g | 7. h | 8. j | 9. e | 10. d |

Exercise 3: Put a missing letter to complete these words. (Điền chữ cái còn thiếu để hoàn thành các từ sau).

- | | |
|--------------|---------------|
| 1. ARRIVE | 6. ANSWER |
| 2. TOOTHACHE | 7. STADIUM |
| 3. DRAW | 8. FOOTBALLER |
| 4. ABOUT | 9. LETTER |
| 5. TEACHER | 10. KITCHEN |

Exercise 4: Listen and choose the correct answer. (Nghe và chọn đáp án đúng).

- | | | | | |
|------|------|------|------|-------|
| 1. c | 2. a | 3. c | 4. d | 5. b |
| 6. c | 7. d | 8. a | 9. c | 10. d |

ROUND 6

TEST A

Exercise 1: Put missing letters or a word to complete these sentences. (Điền chữ cái hoặc từ còn thiếu để hoàn thành các câu sau).

- | | | | | |
|-------|--------|---------|---------|--------|
| 1. on | 2. was | 3. for | 4. is | 5. in |
| 6. up | 7. on | 8. from | 9. play | 10. uy |

Exercise 2: Reorder the words/phrases to make complete sentences. (Sắp xếp lại từ hoặc cụm từ để tạo thành câu hoàn chỉnh).

1. There is a bank near my school.
2. Our names are Mary and Jane.
3. Alan and Lili can do many things.
4. What time do you go to school today?
5. I have many friends at school.
6. Her mother likes playing badminton very much.
7. Jane likes everything in the shop.
8. Don't let the children play near the lake.
9. She often goes to the library to read book.
10. Show me your pen, please.

Exercise 3: Match each picture with a suitable word/phrase. (Nối tranh với từ/cụm từ thích hợp).

- | | | | | |
|------|------|------|------|-------|
| 1. i | 2. d | 3. b | 4. g | 5. j |
| 6. c | 7. a | 8. e | 9. h | 10. f |

Exercise 4: Listen and choose the correct answer. (Nghe và chọn đáp án đúng).

- | | | | | |
|------|------|------|------|-------|
| 1. a | 2. d | 3. c | 4. a | 5. d |
| 6. a | 7. a | 8. c | 9. c | 10. d |

TEST B

Exercise 1: Put missing letters or a word to complete these sentences. (Điền chữ cái hoặc từ còn thiếu để hoàn thành các câu sau).

- | | | | | |
|-------|---------|-------|-----------|---------|
| 1. do | 2. they | 3. do | 4. eather | 5. have |
| 6. an | 7. does | 8. n | 9. is | 10. and |

Exercise 2: Reorder the words/phrases to make complete sentences. (Sắp xếp lại từ hoặc cụm từ để tạo thành câu hoàn chỉnh).

1. Do you like visiting Paris?
2. She is reading book in the room.
3. Close the door!
4. How cute the girl is!
5. There is a cinema in front of my house.
6. My room is small but beautiful.
7. Do you like maths?
8. What subject do you like?
9. He is playing football with his friend.
10. My mother likes reading book about cooking.

Exercise 3: Match each picture with a suitable word/phrase. (Nối tranh với từ/ cụm từ thích hợp).

- | | | | | |
|------|------|------|------|-------|
| 1. c | 2. e | 3. f | 4. i | 5. j |
| 6. h | 7. g | 8. a | 9. d | 10. b |

Exercise 4: Listen and choose the correct answer. (Nghe và chọn đáp án đúng).

- | | | | | |
|------|------|------|------|-------|
| 1. a | 2. d | 3. c | 4. a | 5. d |
| 6. a | 7. b | 8. c | 9. c | 10. d |

ROUND 7

TEST A

Exercise 1: Put missing letters or a word to complete these sentences. (Điền chữ cái hoặc từ còn thiếu để hoàn thành các câu sau).

- | | | | | |
|---------|-------|----------|---------|---------|
| 1. both | 2. a | 3. be | 4. from | 5. on |
| 6. very | 7. up | 8. years | 9. ondo | 10. are |

Exercise 2: Choose the correct answer. (Chọn đáp án đúng).

- | | | | | |
|------|------|------|------|-------|
| 1. d | 2. a | 3. b | 4. a | 5. a |
| 6. b | 7. b | 8. b | 9. b | 10. a |

Exercise 3: Pick out one redundant letter to make correct word. (Bỏ một chữ cái thừa để có từ đúng).

- | | |
|--------------|-------------|
| 1. REALDY | 6. MONRTH |
| 2. PIANDO | 7. PAILNT |
| 3. POEINT | 8. FILSM |
| 4. REPEAT | 9. WHIOTE |
| 5. HOSTPITAL | 10. DURINEG |

Exercise 4: Listen and choose the correct answer. (Nghe và chọn đáp án đúng).

- | | | | | |
|------|------|------|------|-------|
| 1. b | 2. d | 3. b | 4. a | 5. a |
| 6. c | 7. c | 8. a | 9. a | 10. a |

TEST B

Exercise 1: Put missing letters or a word to complete these sentences. (Điền chữ cái hoặc từ còn thiếu để hoàn thành các câu sau).

- | | | | | |
|--------|------------|-------|---------|----------|
| 1. was | 2. kitchen | 3. be | 4. does | 5. Where |
|--------|------------|-------|---------|----------|

Exercise 2: Choose the correct answer. (Chọn đáp án đúng).

- | | | | | |
|------|------|------|------|-------|
| 1. c | 2. b | 3. d | 4. c | 5. b |
| 6. d | 7. c | 8. d | 9. d | 10. c |

Exercise 3: Pick out one redundant letter to make correct word. (Bỏ một chữ cái thừa để có từ đúng).

- | | |
|---------------|------------|
| 1. MOUSIC | 6. NUMBEER |
| 2. STALY | 7. ARTFIST |
| 3. MISES | 8. REPEAT |
| 4. SUGGESTION | 9. DURINEG |
| 5. AGHE | 10. IDEAP |

Exercise 4: Listen and choose what you hear (Nghe và chọn phương án em nghe thấy).

- | | | | | |
|------|------|------|------|-------|
| 1. b | 2. d | 3. c | 4. a | 5. b |
| 6. c | 7. a | 8. a | 9. c | 10. d |

ROUND 8

TEST A

Exercise 1: Match each picture with a suitable word/phrase. (Nối tranh với từ/cụm từ thích hợp).

- | | | | | |
|------|------|------|------|-------|
| 1. g | 2. c | 3. e | 4. h | 5. i |
| 6. f | 7. d | 8. a | 9. b | 10. j |

Exercise 2: Put missing letters or a word to complete these sentences. (Điền chữ cái hoặc từ còn thiếu để hoàn thành các câu sau).

- | | | | | |
|----------|------------|---------|--------|--------|
| 1. her | 2. is | 3. from | 4. a | 5. or |
| 6. works | 7. brushes | 8. sing | 9. for | 10. at |

Exercise 3: Reorder the words/phrases to make complete sentences. (Sắp xếp lại từ hoặc cụm từ để tạo thành câu hoàn chỉnh).

1. She never goes to bed late.
2. Katie is a very nice woman.
3. What does your mother do?
4. He always wears the uniform on Monday.
5. Tell me more about your study, please.

6. Our football team has 11 players.
7. My mother always walks to the market.
8. We go to the market by bicycles.
9. My brother is playing tennis at the moment.
10. Tan's English is not very good.

Exercise 4: Listen and choose what you hear (Nghe và chọn phương án em nghe thấy).

- | | | | | |
|------|------|------|------|-------|
| 1. c | 2. a | 3. c | 4. c | 5. b |
| 6. c | 7. d | 8. a | 9. c | 10. d |

TEST B

Exercise 1: Put missing letters or a word to complete these sentences. (Điền chữ cái hoặc từ còn thiếu để hoàn thành các câu sau).

- | | | | | |
|----------|---------|------|--------|---------|
| 1. Where | 2. with | 3. a | 4. you | 5. with |
|----------|---------|------|--------|---------|

Exercise 2: Choose the correct answer. (Chọn đáp án đúng).

- | | | | | |
|------|------|------|------|-------|
| 1. d | 2. a | 3. b | 4. c | 5. b |
| 6. d | 7. c | 8. d | 9. a | 10. c |

Exercise 3: Pick out one redundant letter to make correct word. (Bỏ một chữ cái thừa để có từ đúng).

- | | | |
|--------------|------------|---------------|
| 1. CALBL | 5. PHELP | 9. WONNDERFUL |
| 2. WHIOTE | 6. INVAITE | 10. EEGG |
| 3. SENETENCE | 7. FRUIST | |
| 4. GAMGE | 8. PLACKE | |

Exercise 4: Listen and choose what you hear (Nghe và chọn phương án em nghe thấy).

- | | | | | |
|------|------|------|------|-------|
| 1. a | 2. d | 3. b | 4. d | 5. a |
| 6. c | 7. c | 8. c | 9. b | 10. c |

ROUND 9

TEST A

Exercise 1: Pick out one redundant letter to make correct word. (Bỏ một chữ cái thừa để có từ đúng).

- | | | |
|-------------|-----------|------------|
| 1. MOMENOT | 5. NNAME | 9. LETTEAR |
| 2. MOSVIE | 6. PECT | 10. BLEACK |
| 3. DOWON | 7. RIGHIT | |
| 4. SUMMEARY | 8. SLOUW | |

Exercise 2: Choose the correct answer. (Chọn đáp án đúng).

- | | | | | |
|------|------|------|------|-------|
| 1. c | 2. c | 3. d | 4. b | 5. a |
| 6. d | 7. b | 8. c | 9. c | 10. b |

Exercise 3: Match each picture with a suitable word/phrase. (Nối tranh với từ/cụm từ phù hợp).

- | | | | | |
|------|------|------|------|-------|
| 1. c | 2. f | 3. g | 4. a | 5. h |
| 6. i | 7. b | 8. e | 9. j | 10. d |

Exercise 4: Listen and choose what you hear (Nghe và chọn phương án em nghe thấy).

- | | | | | |
|------|------|------|------|-------|
| 1. c | 2. a | 3. c | 4. c | 5. a |
| 6. d | 7. d | 8. a | 9. a | 10. a |

TEST B

Exercise 1: Put a missing letter to complete these words. (Điền chữ cái còn thiếu để hoàn thành các từ sau).

- | | |
|------------|--------------|
| 1. SOMEONE | 6. MARKET |
| 2. NURSE | 7. EVENT |
| 3. WRONG | 8. COFFEE |
| 4. FAMILY | 9. SOMETIMES |
| 5. AIRPORT | 10. PICNIC |

Exercise 2: Put missing letters or a word to complete these sentences. (Điền chữ cái hoặc từ còn thiếu để hoàn thành các câu sau).

- | | | | | |
|----------|--------|--------|------|----------|
| 1. there | 2. and | 3. for | 4. a | 5. awing |
|----------|--------|--------|------|----------|

Exercise 3: Reorder the words/phrases to make complete sentences. (Sắp xếp lại từ hoặc cụm từ để tạo thành câu hoàn chỉnh).

1. There is a lot of rain today.
2. What would you like to eat?
3. What subject are you good at?
4. I live near the post office.
5. How many Sundays are there in a month?
6. What do you do in the evening?
7. Are you looking for Minh?
8. We have no classes on Saturday.
9. I like working with you.
10. I'm reading a letter from Jane.

Exercise 4: Listen and choose what you hear (Nghe và chọn phương án em nghe thấy).

- | | | | | |
|------|------|------|------|-------|
| 1. b | 2. d | 3. c | 4. a | 5. b |
| 6. c | 7. a | 8. a | 9. c | 10. d |

ROUND 10

TEST A

Exercise 1: Put a missing letter to complete these words. (Điền chữ cái còn thiếu để hoàn thành các từ sau).

- | | | |
|-----------|------------|--------------|
| 1. TODAY | 5. CORRECT | 9. DIFFERENT |
| 2. GUESS | 6. NOTE | 10. AIRPORT |
| 3. MOMENT | 7. NOISY | |
| 4. MARKET | 8. NURSE | |

Exercise 2: Put missing letters or a word to complete these sentences. (Điền chữ cái hoặc từ còn thiếu để hoàn thành các câu sau).

- | | | | | |
|-----------|---------|---------|--------|-----------|
| 1. riting | 2. what | 3. post | 4. but | 5. listen |
|-----------|---------|---------|--------|-----------|

Exercise 3: Reorder the words/phrases to make complete sentences. (Sắp xếp lại từ hoặc cụm từ để tạo thành câu hoàn chỉnh).

1. There is a lot of rain today.
2. What would you like to eat?
3. What subject are you good at?
4. I learn a lot about animals and plants.
5. Who is doing English exercises in the room now?
6. We have no classes on Saturday and Sunday.
7. I have a story to tell you.
8. My mother is busy all the time.
9. I don't know her very well.
10. How many Sundays are there in a month?

Exercise 4: Listen and choose what you hear (Nghe và chọn phương án em nghe thấy).

- | | | | | |
|------|------|------|------|-------|
| 1. a | 2. d | 3. d | 4. b | 5. a |
| 6. c | 7. d | 8. a | 9. c | 10. a |

TEST B

Exercise 1: Put a missing letter to complete these words. (Điền chữ cái còn thiếu để hoàn thành các từ sau).

- | | |
|-----------|-------------|
| 1. STRONG | 6. FAMILY |
| 2. EVENT | 7. JULY |
| 3. CHOOSE | 8. RESULT |
| 4. SNOW | 9. QUESTION |
| 5. NOTE | 10. WEEKEND |

Exercise 2: Put missing letters or a word to complete these sentences. (Điền chữ cái hoặc từ còn thiếu để hoàn thành các câu sau).

- | | | | | |
|-----------|----------|--------|-------|--------|
| 1. esting | 2. Would | 3. and | 4. on | 5. has |
|-----------|----------|--------|-------|--------|

Exercise 3: Reorder the words/phrases to make complete sentences. (Sắp xếp lại từ hoặc cụm từ để tạo thành câu hoàn chỉnh).

1. Students learn a lot of things at school.
2. Science lessons are interesting for me.
3. There is a beautiful flower garden next to my house.
4. There is no need to hurry.
5. Hong Nhung is a popular singer.
6. They love working with children very much.
7. Open the book to the page 20.
8. My house is small but beautiful.
9. Can you give me some papers?
10. Does Jannie go to the swimming pool three times a week?

Exercise 4: Listen and choose what you hear (Nghe và chọn phương án em nghe thấy).

- | | | | | |
|------|------|------|------|-------|
| 1. b | 2. d | 3. b | 4. b | 5. a |
| 6. c | 7. b | 8. a | 9. a | 10. a |

ROUND 11

TEST A

Exercise 1: Pick out one redundant letter to make correct word. (Bỏ một chữ cái thừa để có từ đúng).

- | | | |
|------------|-----------|----------------|
| 1. LOFVE | 5. SEPEK | 9. PRITMARY |
| 2. FLODWER | 6. DOLOR | 10. TELERPHONE |
| 3. ANSOWER | 7. BOAROD | |
| 4. TENTNIS | 8. IDEAR | |

Exercise 2: Choose the correct answer. (Chọn đáp án đúng).

1. d 2. b 3. d 4. d 5. c
6. c 7. c 8. c 9. b 10. a

Exercise 3: Match each picture with a suitable word/phrase. (Nối tranh với từ/cụm từ thích hợp).

1. f 2. a 3. b 4. c 5. i
6. g 7. h 8. j 9. e 10. d

Exercise 4: Listen and choose what you hear (Nghe và chọn phương án em nghe thấy).

1. a 2. a 3. d 4. b 5. a
6. c 7. d 8. c 9. c 10. d

TEST B

Exercise 1: Pick out one redundant letter to make correct word. (Bỏ một chữ cái thừa để có từ đúng).

- | | |
|-------------|-------------|
| 1. BOAROD | 6. LIBERARY |
| 2. FEMEALE | 7. DOWIN |
| 3. ALSOU | 8. CHEASS |
| 4. PARKENTS | 9. BRINAG |
| 5. PICETURE | 10. SMOUKE |

Exercise 2: Choose the correct answer. (Chọn đáp án đúng).

1. c 2. b 3. b 4. c 5. a
6. a 7. b 8. d 9. b 10. b

Exercise 3: Match each picture with a suitable word/phrase. (Nối tranh với từ/cụm từ phù hợp).

1. a 2. b 3. e 4. g 5. j

6.d 7.c 8.i 9.f 10.h

Exercise 4: Listen and choose what you hear (Nghe và chọn phương án em nghe thấy).

1.b 2.a 3.a 4.a 5.b
6.c 7.a 8.a 9.c 10.d

ROUND 12

TEST A

Exercise 1: Pick out one redundant letter to make correct word. (Bỏ một chữ cái thừa để có từ đúng).

- | | |
|-------------|---------------|
| 1. DRAGOON | 6. BOOX |
| 2. TABBLE | 7. CEALLPHONE |
| 3. NOTEBOOK | 8. PIAMNO |
| 4. SCEHOOL | 9. STADIUM |
| 5. LAPYOP | 10. PEOPLE |

Exercise 2: Choose the correct answer. (Chọn đáp án đúng).

1.c 2.c 3.c 4.a 5.d
6.a 7.b 8.b 9.c 10.b

Exercise 3: Reorder the words/phrases to make complete sentences. (Sắp xếp lại từ hoặc cụm từ để tạo thành câu hoàn chỉnh).

1. My friends often give me books as present.
2. I don't want to play volleyball.
3. Football is my favourite sport.
4. They never play football in the morning.
5. Who do you often go with?
6. No ink is in the pot.
7. Lan finishes the puzzle very fast.
8. Are those the toys you want to buy?

9. Are you going to the cinema or the circus?

10. A clock tells you the time.

Exercise 4: Listen and choose what you hear (Nghe và chọn phương án em nghe thấy).

1. a 2. b 3. b 4. b 5. c
6. c 7. b 8. a 9. a 10. d

TEST B

Exercise 1: Match each picture with a suitable word/phrase. (Nối tranh với từ/cụm từ phù hợp).

1. c 2. e 3. f 4. i 5. j
6. h 7. g 8. a 9. d 10. b

Exercise 2: Put missing letters or a word to complete these sentences. (Điền chữ cái hoặc từ còn thiếu để hoàn thành các câu sau).

1. is 2. for 3. of 4. plays 4. going

Exercise 3: Reorder the words/phrases to make complete sentences. (Sắp xếp lại từ hoặc cụm từ để tạo thành câu hoàn chỉnh).

1. They're waiting us in front of the circus.
2. Maths is a difficult subject.
3. My friends and I don't have smartphones.
4. The boy singing on the stage is my son.
5. My friends usually go shopping at this market.
6. I dont wan't to play football with him now.
7. The park is not near their house.
8. What colour is your pencil?
9. My uncle often listens to news in his freetime.
10. In my class, Linh and Linda play music well.

Exercise 4: Listen and choose what you hear (Nghe và chọn phương án em nghe thấy).

1. c 2. d 3. d 4. b 5. a
6. c 7. b 8. c 9. b 10. a

ROUND 13

TEST A

Exercise 1: Choose the correct answer. (Chọn đáp án đúng).

1. a 2. d 3. a 4. b 5. d

Exercise 2: Put missing letters or a word to complete these sentences. (Điền chữ cái hoặc từ còn thiếu để hoàn thành các câu sau).

1. Where 2. for 3. ho 4. What 5. Thank
6. to 7. lot 8. in 9. id 10. Were

Exercise 3: Match each picture with a suitable word/phrase. (Nối từ/ cụm từ với tranh phù hợp).

1. a 2. e 3. d 4. f 5. b
6. g 7. h 8. i 9. c 10. j

Exercise 4: Listen and choose what you hear (Nghe và chọn phương án em nghe thấy).

1. a 2. d 3. d 4. b 5. a
6. c 7. b 8. c 9. c 10. a

TEST B

Exercise 1: Choose the correct answer. (Chọn đáp án đúng).

1. a 2. b 3. c 4. d 5. a

Exercise 2: Put missing letters or a word to complete these sentences. (Điền chữ cái hoặc từ còn thiếu để hoàn thành các câu sau).

1. were 2. very 3. at 4. with 5. for
6. table 7. years 8. of 9. to 10. for

Exercise 3: Match each picture with a suitable word/phrase. (Nối tranh với từ/ cụm từ phù hợp).

1. h 2. a 3. b 4. e 5. j

6. i 7. d 8. c 9. g 10. f

Exercise 4: Listen and choose what you hear (Nghe và chọn phương án em nghe thấy).

1. a 2. d 3. b 4. d 5. a
6. c 7. c 8. c 9. d 10. c

ROUND 14

TEST A

Exercise 1: Choose the correct answer. (Chọn đáp án đúng).

1. d 2. b 3. b 4. b 5. d
6. b 7. c 8. d 9. a 10. b

Exercise 2: Pick out one redundant letter to make correct word. (Bỏ một chữ cái thừa để có từ đúng).

- | | | |
|-----------------|---------------|----------------|
| 1. WOURD | 5. COAMplete | 9. VOLLEGYBALL |
| 2. PARENETS | 6. SUMDMER | 10. TEACHHER |
| 3. HOBNEY | 7. HEADACHED | |
| 4. PLAY GROUNDL | 8. YESTEDRDAY | |

Exercise 3: Reorder the words/phrases to make complete sentences. (Sắp xếp lại từ hoặc cụm từ để tạo thành câu hoàn chỉnh).

1. She didn't know how to dance.
2. What time does your sister come back home?
3. I eat chicken for every meal.
4. Vietnam has a lot of beautiful beaches.
5. The new supermarket has everything.
6. My mother often gets up at 6 o'clock in the morning.
7. Can we go swimming in your village?

8. The store is next to some tall trees.
9. Do you go to evening classes everyday?
10. He sometimes goes to work on foot.

Exercise 4: Listen and choose what you hear (Nghe và chọn phương án em nghe thấy).

- | | | | | |
|------|------|------|------|-------|
| 1. a | 2. d | 3. d | 4. b | 5. a |
| 6. c | 7. b | 8. c | 9. c | 10. a |

TEST B

Exercise 1: Choose the correct answer. (Chọn đáp án đúng).

- | | | | | |
|------|------|------|------|-------|
| 1. b | 2. a | 3. a | 4. c | 5. a |
| 6. c | 7. c | 8. c | 9. c | 10. b |

Exercise 2: Pick out one redundant letter to make correct word. (Bỏ một chữ cái thừa để có từ đúng).

- | | |
|-------------|------------|
| 1. STAPTION | 6. MEMOBER |
| 2. MATACH | 7. PAPUER |
| 3. ROSPE | 8. LASET |
| 4. DRISVER | 9. PICANIC |
| 5. WOURD | 10. BORAT |

Exercise 3: Reorder the words/phrases to make complete sentences. (Sắp xếp lại từ hoặc cụm từ để tạo thành câu hoàn chỉnh).

1. They often do their homework at the school's library.
2. Mary's parent don't let her go out at night.
3. What languages do you speak?
4. What are they talking about?
5. How many floors does your house have?
6. How was the Festival?

7. There are lots of cakes and sweets in her birthday party.
8. Where were you last weekend?
9. Mark tells us all about his holiday in Singapore.
10. When did they have celebrations?

Exercise 4: Listen and choose what you hear (Nghe và chọn phương án em nghe thấy).

- | | | | | |
|------|------|------|------|-------|
| 1. a | 2. d | 3. c | 4. a | 5. d |
| 6. a | 7. a | 8. c | 9. c | 10. d |

ROUND 15

TEST A

Exercise 1: Choose the correct answer. (Chọn đáp án đúng).

- | | | | |
|------|------|------|------|
| 1. b | 2. a | 3. c | 4. b |
|------|------|------|------|

Exercise 2: Put a missing letter to complete these words. (Điền chữ cái còn thiếu để hoàn thành các từ sau).

- | | |
|----------------|----------------|
| 1. HEART | 6. CLUB |
| 2. WEEKEND | 7. SINGAPOREAN |
| 3. ACTIVITY | 8. PURPLE |
| 4. HOLIDAY | 9. HOUSE |
| 5. NATIONALITY | 10. EXAMPLE |

Exercise 3: Match each picture with a suitable word/phrase. (Nối tranh với từ/cụm từ phù hợp).

- | | | | | |
|------|------|------|------|-------|
| 1. f | 2. a | 3. b | 4. c | 5. i |
| 6. g | 7. h | 8. j | 9. e | 10. d |

Exercise 4: Listen and choose what you hear (Nghe và chọn phương án em nghe thấy).

1. a 2. b 3. c 4. d 5. c
6. c 7. c 8. b 9. c 10. d

TEST B

Exercise 1: Choose the correct answer. (Chọn đáp án đúng).

1. b 2. b 3. a 4. b

Exercise 2: Put a missing letter to complete these words. (Điền chữ cái còn thiếu để hoàn thành các từ sau).

- | | |
|------------|----------------|
| 1. ENJOY | 6. BEHIND |
| 2. COUSIN | 7. PIANO |
| 3. BLOUSE | 8. GREAT |
| 4. MOUSE | 9. FINGER |
| 5. CONCERT | 10. VIETNAMESE |

Exercise 3: Match each picture with a suitable word/phrase. (Nối từ/ cụm từ với tranh phù hợp).

1. a 2. b 3. e 4. g 5. j
6. d 7. c 8. i 9. f 10. h

Exercise 4: Listen and choose what you hear (Nghe và chọn phương án em nghe thấy).

1. b 2. a 3. c 4. a 5. a
6. b 7. a 8. c 9. a 10. a

ROUND 16

TEST A

Exercise 1: Pick out one redundant letter to make correct word. (Bỏ một chữ cái thừa để có từ đúng).

- | | |
|------------|--------------|
| 11. PAPKER | 16. FOOSD |
| 12. MIFCE | 17. RWOUND |
| 13. MHILK | 18. RABOBIT |
| 14. GRAIN | 19. FINHGER |
| 15. MATCAH | 20. BAEELLON |

Exercise 2: Put missing letters or a word to complete these sentences. (Điền chữ cái hoặc từ còn thiếu để hoàn thành các câu sau).

1. so 2. have 3. any 4. not 5. in

Exercise 3: Reorder the words/phrases to make complete sentences. (Sắp xếp lại từ hoặc cụm từ để tạo thành câu hoàn chỉnh).

1. Everyone had a good time.
2. Who is going to help mom clean the window?
3. What time do they have breakfast?
4. Is your little brother's birthday on May 16th?
5. Is the man overthere your sister's husband?
6. Do we have to wear uniforms on Monday?
7. What language do they speak?
8. Her family often has bread and milk for breakfast.
9. She is writing a leter to her friend.
10. What colour is that blouse?

Exercise 4: Listen and choose what you hear (Nghe và chọn phương án em nghe thấy).

1. c 2. a 3. c 4. a 5. b
6. c 7. d 8. a 9. c 10. d

TEST B

Exercise 1: Pick out one redundant letter to make correct word. (Bỏ một chữ cái thừa để có từ đúng).

- | | |
|-----------------|----------------|
| 1. MUSKIC | 6. RAINBEOW |
| 2. BAELLON | 7. KITCHEAN |
| 3. TEAJCHER | 8. PAPEER |
| 4. STADEIUM | 9. FOOTBALLERR |
| 5. SAND CASSTLE | 10. MONAKEY |

Exercise 2: Put missing letters or a word to complete these sentences. (Điền chữ cái hoặc từ còn thiếu để hoàn thành các câu sau).

1. many 2. two 3. for 4. at 5. Are

Exercise 3: Reorder the words/phrases to make complete sentences. (Sắp xếp lại từ hoặc cụm từ để tạo thành câu hoàn chỉnh).

1. My friends had a good time.
2. Who is going to clean the house?
3. What time do you often have dinner?
4. When is your birthday?
5. Who is the man standing overthere?
6. We have maths on Monday and Tuesday.
7. What language are they speaking?
8. I usually have milk and bread for breakfast.
9. My sister is writing a leter to her pen friends.
10. What colour is that hat?

Exercise 4: Listen and choose what you hear (Nghe và chọn phương án em nghe thấy).

- | | | | | |
|------|------|------|------|-------|
| 1. b | 2. d | 3. c | 4. a | 5. b |
| 6. c | 7. b | 8. a | 9. c | 10. d |

ROUND 17

TEST A

Exercise 1: Choose the correct answer. (Chọn đáp án đúng).

1. c 2. c 3. c 4. a 5. c
6. a 7. c 8. b 9. b 10. d

Exercise 2: Put a missing letter to complete these words. (Điền chữ cái còn thiếu để hoàn thành các từ sau).

- | | |
|-------------|------------|
| 1. MOUTH | 6. LIBRARY |
| 2. SICKNESS | 7. POSTMAN |
| 3. ANIMAL | 8. GUESS |
| 4. THROAT | 9. BETTER |
| 5. CONCERT | 10. CHECK |

Exercise 3: Match each picture with a suitable word/phrase. (Nối tranh với từ/cụm từ phù hợp).

1. f 2. a 3. b 4. c 5. i
6. g 7. h 8. j 9. e 10. d

Exercise 4: Listen and choose what you hear (Nghe và chọn phương án em nghe thấy).

1. c 2. c 3. a 4. a 5. d
6. c 7. d 8. a 9. a 10. a

TEST B

Exercise 1: Choose the correct answer. (Chọn đáp án đúng).

1. a 2. a 3. c 4. a 5. c
6. a 7. b 8. d 9. b 10. b

Exercise 2: Put a missing letter to complete these words. (Điền chữ cái còn thiếu để hoàn thành các từ sau).

- | | |
|--------------|-------------|
| 1. REPEAT | 6. AIRPLANE |
| 2. SHOULD | 7. BRUSH |
| 3. FACTORY | 8. CHICKEN |
| 4. CROSSWORD | 9. STUDENT |
| 5. CONCERT | 10. SLEEP |

Exercise 3: Match each picture with a suitable word/phrase. (Nối tranh với từ/cụm từ phù hợp).

- | | | | | |
|------|------|------|------|-------|
| 1. f | 2. g | 3. b | 4. h | 5. d |
| 6. i | 7. c | 8. e | 9. a | 10. j |

Exercise 4: Listen and choose what you hear (Nghe và chọn phương án em nghe thấy).

- | | | | | |
|------|------|------|------|-------|
| 1. b | 2. a | 3. a | 4. a | 5. b |
| 6. c | 7. a | 8. a | 9. c | 10. d |

TRANSCRIPTS

ROUND 1

TEST A

Exercise 4: Listen and choose the correct answer. (Nghe và chọn đáp án đúng).
(track 2)

- | | |
|--------------|-------------|
| 1. chair | 6. February |
| 2. talk | 7. speak |
| 3. sister | 8. rainy |
| 4. policeman | 9. candle |
| 5. singer | 10. fifty |

TEST B

Exercise 4: Listen and choose the correct answer. (Nghe và chọn đáp án đúng).
(track 3)

- | | |
|------------|------------------|
| 1. England | 6. rectangle |
| 2. cup | 7. leaf |
| 3. baby | 8. swimming pool |
| 4. duck | 9. prince |
| 5. train | 10. dog |

ROUND 2

TEST A

Exercise 4: Listen and choose the correct answer. (Nghe và chọn đáp án đúng).
(track 4)

- | | |
|-----------------------------|--|
| 1. I am tired and cold. | 6. This is my friend, Akio. |
| 2. Shot | 7. I'm from New Zealand. |
| 3. These are my teachers. | 8. They like watching TV. |
| 4. I'm from a cold country. | 9. A letter |
| 5. When do you have lunch? | 10. This is my father. He is a driver. |

TEST B

Exercise 4: Listen and choose the correct answer. (Nghe và chọn đáp án đúng).
(track 5)

- | | |
|-------------------------------|-------------------------------|
| 1. My name is Tim. | 6. He's from Singapore. |
| 2. Which city will you go to? | 7. I can't read and ride. |
| 3. His name is Jackson. | 8. She is a doctor. |
| 4. England | 9. There are two pigs. |
| 5. Where were you from? | 10. I like working very much. |

ROUND 3

TEST A

Exercise 4: Listen and choose the correct answer. (Nghe và chọn đáp án đúng).
(track 6)

- | | |
|---|---------------------------------|
| 1. I'm from America. | 6. It's too thick. |
| 2. Take the green ones! | 7. Let's go to the post office. |
| 3. Well, I like to sit here. | 8. This is my new pen friend. |
| 4. How should we pay? | 9. My name is Jim. |
| 5. How often do you have English at school? | 10. Do you like oranges? |

TEST B

Exercise 4: Listen and choose the correct answer. (Nghe và chọn đáp án đúng).

(track 7)

- | | |
|-------------------------------------|---------------------------------------|
| 1. My grandfather is 100 years old. | 7. He is American. |
| 2. I am from New Zealand | 8. Do you like apple juice? |
| 3. This is the maths classroom. | 9. My grandfather was a pilot before. |
| 4. He is a businessman. | 10. Do you like going camping? |
| 5. An English song. | |
| 6. She lives in Princeton. | |

ROUND 4

TEST A

Exercise 4: Listen and choose the correct answer. (Nghe và chọn đáp án đúng).

(track 8)

- | | |
|--------------------------------|----------------------------------|
| 1. I can't play the piano. | 6. He can't play badminton well. |
| 2. Where are the rice cookers? | 7. When is your birthday? |
| 3. My bed is red. | 8. Can you feed a cat? |
| 4. What colour is your skirt? | 9. Are they Linda's shorts? |
| 5. They're on the desk. | 10. It's Mai's birthday today. |

TEST B

Exercise 4: Listen and choose the correct answer. (Nghe và chọn đáp án đúng).

(track 9)

1. She was happy because her brother was the best player.
2. I want some stamps.
3. My mother usually goes to the gym at 7 a.m.
4. She would like to have lunch with me.
5. My friends always finish exercises before going to cinema.
6. Jenny plays football very well but she doesn't have much free time.

7. Minh Thu never gets up late.
8. I like playing chess in my free time.
9. Yesterday, my mother went to bed at 8.30 p.m.
10. Lan has a dog and a monkey.

ROUND 5

TEST A

Exercise 4: Listen and choose the correct answer. (Nghe và chọn đáp án đúng).
(track 10)

- | | |
|--------------|------------|
| 1. ice-cream | 6. blue |
| 2. stamp | 7. hill |
| 3. cook | 8. person |
| 4. teacher | 9. cloudy |
| 5. eleven | 10. hammer |

TEST B

Exercise 4: Listen and choose the correct answer. (Nghe và chọn đáp án đúng).
(track 11)

- | | |
|----------|------------|
| 1. hill | 6. kitchen |
| 2. fan | 7. flat |
| 3. skill | 8. school |
| 4. boss | 9. captain |
| 5. queen | 10. go |

ROUND 6

TEST A

Exercise 4: Listen and choose the correct answer. (Nghe và chọn đáp án đúng).
(track 12)

1. My birthday is in February.
2. Where does your mother walk?
3. I played badminton.
4. How many books are there in your school bag?
5. I have ten aunts and ten uncles, too!
6. I go to school by bus.
7. I've got some books.
8. Look! That's cousin Lee.
9. Excuse me! How do you work?
10. Oh, really? My brother's a factory worker, too.

TEST B

Exercise 4: Listen and choose the correct answer. (Nghe và chọn đáp án đúng).
(track 13)

1. What's your favourite book?
2. What's your favourite subject?
3. It's time to go for a walk, Tom.
4. It's a big festival in our country.
5. Does he like to ride a tricycle?
6. Where does your father work?
7. Let's sing "Happy Birthday" to her.
8. He is going to the cinema with his father.
9. Do you have any pencils?
10. I always go to school in the morning.

ROUND 7

TEST A

Exercise 4: Listen and choose the correct answer. (Nghe và chọn đáp án đúng).
(track 14)

- | | | |
|-----------|------------|----------|
| 1. money | 5. kitchen | 9. bread |
| 2. clean | 6. run | 10. blue |
| 3. kettle | 7. rainy | |
| 4. ear | 8. watch | |

TEST B

Exercise 4: Listen and choose the correct answer. (Nghe và chọn đáp án đúng).
(track 15)

- | | |
|-----------|---------------|
| 1. like | 6. teapot |
| 2. tiger | 7. toothpaste |
| 3. pilot | 8. listen |
| 4. hear | 9. cottage |
| 5. farmer | 10. bird |

ROUND 8

TEST A

Exercise 4: Listen and choose the correct answer. (Nghe và chọn đáp án đúng).
(track 16)

- | | |
|-------------|-----------------|
| 1. bear | 6. bird |
| 2. hear | 7. fish |
| 3. English | 8. orange juice |
| 4. date | 9. baby |
| 5. airplane | 10. bowl |



TEST B

Exercise 4: Listen and choose the correct answer. (Nghe và chọn đáp án đúng).
(track 17)

- | | |
|----------|-----------|
| 1. meet | 6. bird |
| 2. near | 7. flat |
| 3. later | 8. farmer |
| 4. gold | 9. sun |
| 5. port | 10. phone |

ROUND 9

TEST A

Exercise 4: Listen and choose the correct answer. (Nghe và chọn đáp án đúng).
(track 18)

1. How do you celebrate Teacher's day in your school?
2. These flowers are for you.
3. The Teacher's Day was an exciting and memorable day for both teachers and pupils of my school.
4. We have an interesting musical show.
5. My teacher received a lot of fowers on Teacher's Day.
6. Does your brother like reading fairy tales?
7. We saw a musical show in the school yard.
8. Christmas is a big festival on December 25th in many countries.
9. I go to the post office for some stamps.
10. The teachers of my school celebrated Teacher's Day yesterday.

TEST B

Exercise 4: Listen and choose the correct answer. (Nghe và chọn đáp án đúng).
(track 19)

- | | |
|-----------|------------|
| 1. dragon | 6. five |
| 2. singer | 7. go |
| 3. look | 8. meet |
| 4. bird | 9. bed |
| 5. bad | 10. hungry |

ROUND 10

TEST A

Exercise 4: Listen and choose the correct answer. (Nghe và chọn đáp án đúng).
(track 20)

- | | |
|------------|------------|
| 1. queen | 6. juice |
| 2. bed | 7. bee |
| 3. teacher | 8. chess |
| 4. drink | 9. farmer |
| 5. dog | 10. noodle |

TEST B

Exercise 4: Listen and choose the correct answer. (Nghe và chọn đáp án đúng). (track 21)

- | | |
|-------------|---------------|
| 1. playing | 6. banana |
| 2. dragon | 7. island |
| 3. cat | 8. lemon |
| 4. question | 9. tomato |
| 5. flower | 10. cellphone |

ROUND 11

TEST A

Exercise 4: Listen and choose the correct answer. (Nghe và chọn đáp án đúng). (track 22)

1. He's doing English exercises now.
2. Some students like funny stories.
3. Where do you like to go in winter?
4. How many seasons are there in England?
5. I usually do morning exercise before breakfast.
6. My teacher is writing on the blackboard.
7. My family goes to the cinema once a week.
8. The park is behind my house.
9. She is writing a letter to her friend in Vietnam.
10. We want to have a break now.

TEST B

Exercise 4: Listen and choose the correct answer. (Nghe và chọn đáp án đúng). (track 23)

1. She is writing a card to her friend in Paris.
2. Tom never plays with ball in the evening.
3. Where do you like to go in autumn?
4. Lan is writing a letter for her pen friend.

5. My family goes to the cinema once a week.
6. I usually do exercise in the evening.
7. Do you have glasses?
8. She sometimes goes to the zoo with her friend.
9. Tom reads magazines in his free time.
10. We want to have break time now.

ROUND 12

TEST A

Exercise 4: Listen and choose the correct answer. (Nghe và chọn đáp án đúng).
(track 24)

1. We celebrated a big celebration at our house.
2. I love watching film at the cinema.
3. My mother and my father are speaking English very well.
4. My mother is making a birthday card for me.
5. I usually go to school at 7.00 a.m.
6. I am not happy because my test is bad.
7. My father usually meets famous people because he is a journalist.
8. How many seasons are there in Vietnam?
9. Tam and Mary want to having lunch together.
10. This is my new manager. Her name is Giang.

TEST B

Exercise 4: Listen and choose the correct answer. (Nghe và chọn đáp án đúng).
(track 25)

- | | |
|------------|---------------|
| 1. coach | 6. kitten |
| 2. cleaner | 7. monkey |
| 3. cook | 8. bench |
| 4. lucky | 9. history |
| 5. day | 10. classmate |

ROUND 13

TEST A

Exercise 4: Listen and choose the correct answer. (Nghe và chọn đáp án đúng).

(track 26)

1. swimming
2. fairy
3. calendar
4. building
5. table

6. star
7. fish
8. build a house
9. run
10. play ground

TEST B

Exercise 4: Listen and choose the correct answer. (Nghe và chọn đáp án đúng).

(track 27)

1. play ground
2. picture
3. cake
4. mouse
5. diamond



6. tomato
7. king
8. jeans
9. snowy
10. board

ROUND 14

TEST A

Exercise 4: Listen and choose the correct answer. (Nghe và chọn đáp án đúng).

(track 28)

1. When do you play volleyball?
2. How was the Mid-Summer Festival?
3. Do you want some eggs?
4. Are you free on Sunday morning?
5. Jennifer is often online to chat with her pen friends.
6. How often do you go fishing?
7. Sometimes, she comes to bed late.

8. Can you like a bike?
9. Jane doesn't go swimming on Monday.
10. He sang these songs in his birthday party.

TEST B

Exercise 4: Listen and choose the correct answer. (Nghe và chọn đáp án đúng).
(track 29)

1. They are learning to sing.
2. When do you play chinese chess?
3. I can fly a kite.
4. My father doesn't go swimming on Sunday.
5. There were flowers everywhere.
6. My friends always go to school by bike.
7. Is your mother free on Sunday?
8. How can I help you?
9. I'd like to have one chicken.
10. Do you want to go to the stadium with me?

ROUND 15

TEST A

Exercise 4: Listen and choose the correct answer. (Nghe và chọn đáp án đúng).
(track 30)

1. Her mothers takes her to school at 6 a.m.
2. Why did you laugh at the boy?
3. Look! It's going to rain. Please take a raincoat along.
4. Her father took a trip to Hawaii last week.
5. She doesn't like to add beef to her hamburger.
6. Mr John works for IBM in America.
7. What time does she usually get up?

8. My baby loves to watch plays in the theatre.
9. Students are going on an excursion to Hyde park.
10. He is drinking coffee in the cafe now.

TEST B

Exercise 4: Listen and choose the correct answer. (Nghe và chọn đáp án đúng).
(track 31)

1. He is drinking coke in the cafe now.
2. Nice to meet you!
3. What are you looking for?
4. What time do you usually get up?
5. I hope you have a nice day.
6. My sister likes watching film in the cinema
7. There are many kinds of fruits on the table.
8. They go to school by bike everyday.
9. What kind of flowers did they prepare for the festival?
10. The rain began 2 hours ago.

ROUND 16

TEST A

Exercise 4: Listen and choose the correct answer. (Nghe và chọn đáp án đúng).
(track 32)

1. I'm reading an amazing book about stars.
2. My niece can sing and dance beautifully.
3. How often do you do morning exercise?
4. My notebooks are on the table.
5. What are you going to buy for Christmas?
6. There were a lot of customers there.
7. Was Jean twenty years old last month?
8. Her son is a doctor.

9. Mary plays rugby very well.
10. Johny should take some orange juice.

TEST B

Exercise 4: Listen and choose the correct answer. (Nghe và chọn đáp án đúng).
(track 33)

1. She looks so lovely in that dress.
2. My father is a driver.
3. What kind of bread do you like?
4. He has a sorethroat today.
5. John should take some aspirins.
6. My father can cook very well.
7. Can you show me the way to the post office?
8. She was a teacher before.
9. There are flowers everywhere in the flat.
10. I need some milk for my doctor.

ROUND 17

TEST A

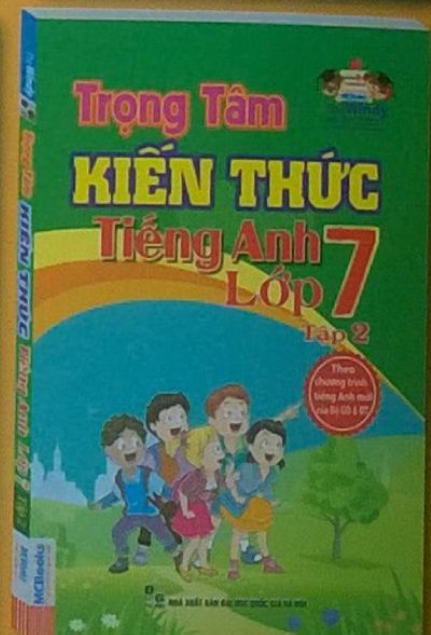
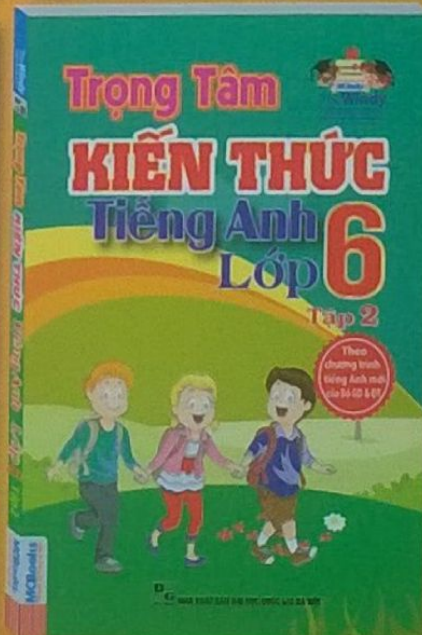
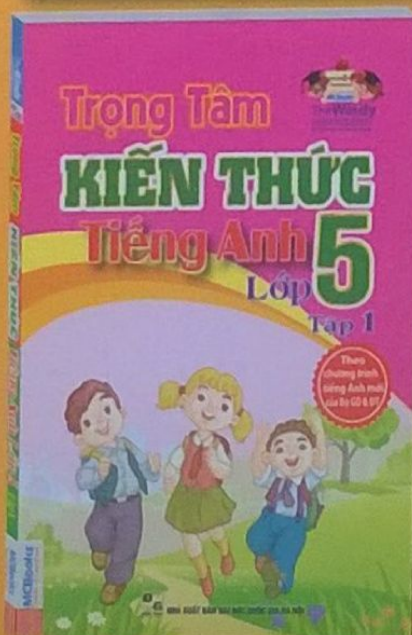
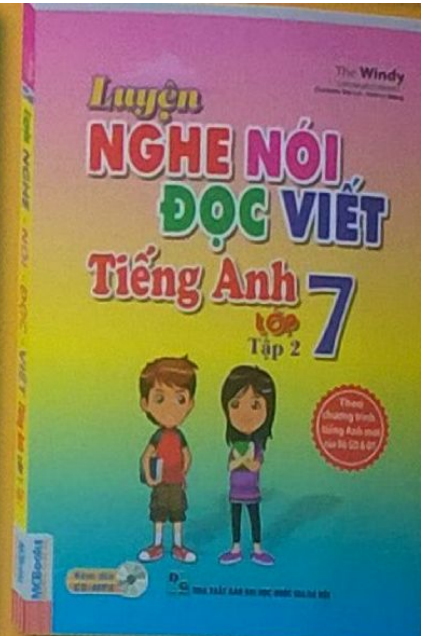
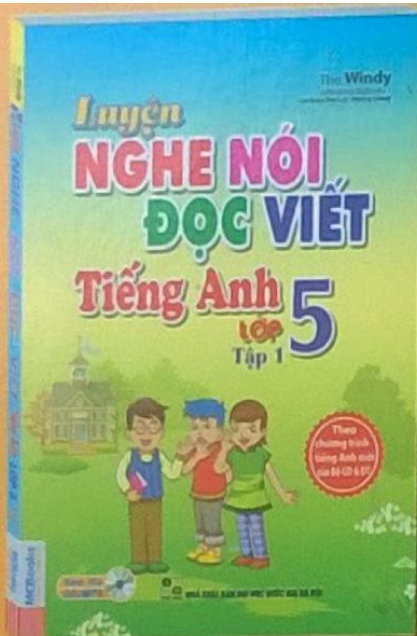
Exercise 4: Listen and choose the correct answer. (Nghe và chọn đáp án đúng).
(track 34)

1. Tom and his family are going to go on a trip to Hawaii.
2. Student have to finish their homework before going to class.
3. Mary has very good ears.
4. A pigeon can fly.
5. You need a toothbrush to clean your teeth.
6. Does Mr John have a high fever?
7. What's that? – It's my cellphone.
8. You have a serious illness but doctors can cure you.
9. I'm going to take a course.
10. There is a photo frame on the wall.

TEST B

Exercise 4: Listen and choose the correct answer. (Nghe và chọn đáp án đúng).
(track 35)

1. I need a notebook to write.
2. She has brown eyes.
3. Do you have many kinds of animals?
4. I have many toys in my house.
5. I am worried about my tests.
6. My brother places an orange on the desk.
7. What's this? – This is my toy.
8. She has a beautiful voice.
9. You should go to the dentist's every six months.
10. How does Jim feel now?



MCBooks
KNOWLEDGE SHARING

26/245 Mai Dịch - Cầu Giấy - Hà Nội * ĐT: 04.3.792.1466
Chi nhánh tại TP. Hồ Chí Minh: 45 đường số 8, khu phố 5
Hiệp Bình Chánh, Thủ Đức, TP.HCM * ĐT: 0866609398

ISBN: 978-604-62-3477-7

8 935246 903407

Giá: 85.000 VNĐ
Đã bao gồm CD